

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **4145** /KH-UBNDĐắk Lắk, ngày **14** tháng 5 năm 2021**KẾ HOẠCH
Phòng, chống thiên tai tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025**

Trong những năm qua, công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở Đắk Lắk đã có những chuyển biến đáng kể; chúng ta đã chuyển dần từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa. Các địa phương, đơn vị trong tỉnh đã ngày càng chủ động hơn trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế-xã hội bền vững; trong đó, công tác lập kế hoạch phòng, chống thiên tai giữ vai trò rất quan trọng sẽ góp phần chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả; giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong những năm tới.

MỞ ĐẦU**CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH****I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Điều chỉnh tại Luật số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai; Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

- Quyết định số 379/QĐ-TTg, ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kế hoạch số 421/KH-UBND ngày 17/01/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 6851/KH-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc

triển khai thực hiện Nghị Quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

- Quyết định số 1772/QĐ-UBND, ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình số 43-CTr/TU, ngày 29/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai” trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 10812/KH-UBND tỉnh, ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 01/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cấp bách để chủ động ứng phó thiên tai.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

- Dựa trên cơ sở kế hoạch phòng chống thiên tai (PCTT) này, các địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh chủ động xây dựng, rà soát, tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế nhằm xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

2. Yêu cầu:

- Đánh giá, cập nhật hàng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế-xã hội và cơ sở hạ tầng trong phạm vi quản lý.

- Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai tỉnh Đắk Lắk.

- Xác định, đánh giá rủi ro các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Xác định các nhiệm vụ, biện pháp phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025.

- Xác định các phương pháp, cách thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Lắk.

- Đề xuất nhu cầu nguồn lực và tiến độ thực hiện.

- Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân.

Phần 1

ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Tỉnh Đắk Lắk nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, với lượng mưa hàng năm khá lớn từ 1.600÷2.000 mm. Với mật độ sông suối lớn, địa hình đa dạng, Đắk Lắk là một trong những tỉnh có tiềm năng lớn về thủy lợi, thủy điện, thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, do đặc thù về khí hậu, địa hình, địa lý tự nhiên, Đắk Lắk là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng của rất nhiều loại hình thiên tai khác nhau, thường xảy ra hàng năm như hạn hán, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, lốc, sét, mưa đá. Ngoài ra, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tỉnh Đắk Lắk còn xuất hiện hiện tượng thời tiết lạnh, gió mạnh, mưa trái vụ...Đặc biệt, trong những năm gần đây, cùng với sự biến đổi của khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai cả nước

nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng diễn biến ngày càng phức tạp, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và phát triển kinh tế của Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2010-2020 khoảng 15.000 tỷ đồng.

Trong giai đoạn từ năm 2015-2020 công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã có những bước phát triển đáng kể, chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa. Các địa phương trong tỉnh đã chủ động hơn trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế-xã hội, trong đó, công tác lập Kế hoạch phòng, chống thiên tai 5 năm và cập nhật hàng năm giữ một vai trò hết sức quan trọng và luôn được các cấp có thẩm quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện.

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

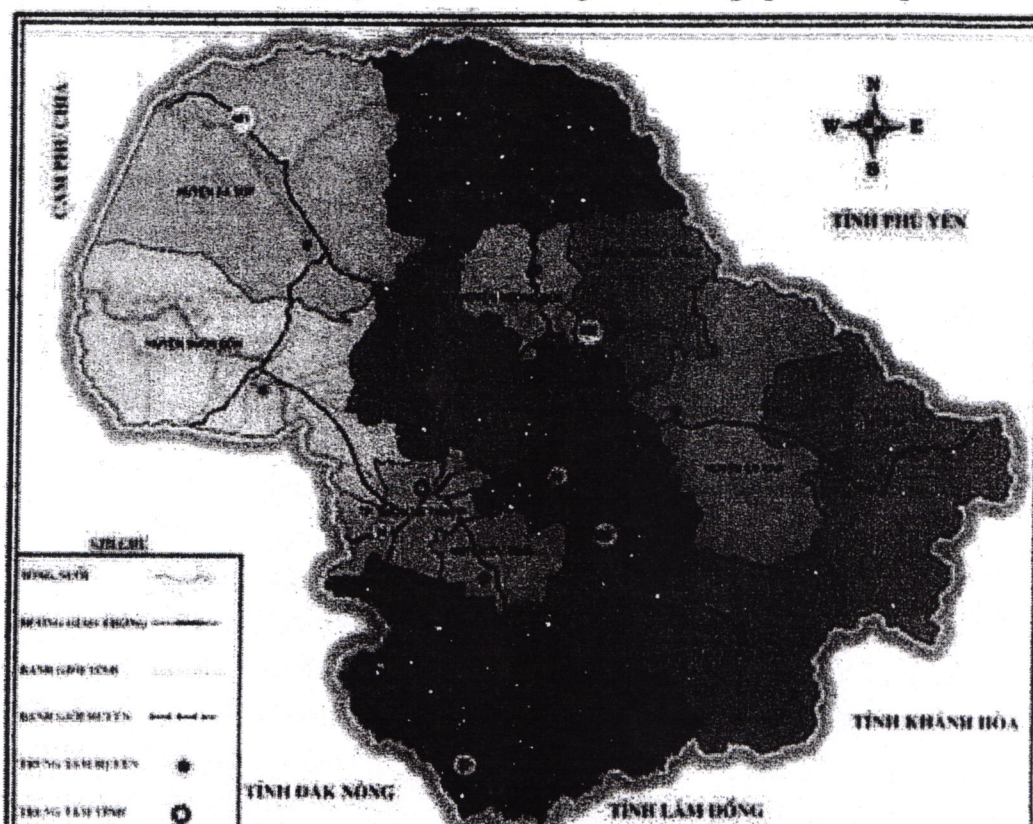
Tỉnh Đắk Lắk nằm khu vực trung tâm của vùng Tây Nguyên diện tích tự nhiên hơn 13.000 km², dân số 1.872.574 người, gồm 47 dân tộc sinh sống. Tỉnh Đắk Lắk bao gồm 15 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố, có tọa độ địa lý như sau:

Vị trí địa lý tỉnh Đắk Lắk nằm trong khoảng:

- Từ 12°14'22" đến 13°29'02" vĩ độ Bắc.
- Từ 107°29'06" đến 108°59'55" kinh độ Đông.

Ranh giới hành chính:

- Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai và Phú Yên.
- Phía Nam giáp tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng.
- Phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa.
- Phía Tây giáp tỉnh Đắk Nông và Vương quốc Campuchia.



Hình 1. Bản đồ hành chính tỉnh Đắk Lắk

II. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH

Tỉnh Đắk Lắk có cao độ địa hình dao động từ 400 m÷800 m so với mực nước biển. Hướng dốc chính thấp dần từ Đông Nam sang Tây Bắc với 4 dạng địa hình chính: Địa hình vùng núi; địa hình cao nguyên Buôn Ma Thuột – M'Đrăk, Buôn Đôn, Cư M'gar, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột.

III. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU, MẠNG LƯỚI SÔNG NGÒI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

1. Đặc điểm khí hậu

Khí hậu tỉnh Đắk Lắk chia làm 2 mùa khá rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, trong thời kỳ này gió Tây Nam thịnh hành, các tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 7, tháng 8 và tháng 9. Lượng mưa mùa mưa chiếm tới 75÷90% tổng lượng mưa cả năm. Riêng vùng phía Đông do chịu ảnh hưởng của Đông Trường Sơn nên mùa mưa kéo dài hơn, tới tháng 11. Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4, trong thời gian này độ ẩm giảm, gió Đông Bắc thổi mạnh, bốc hơi lớn, khô hạn nghiêm trọng thường xảy ra.

- Chế độ nhiệt: Nhiệt độ trong năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khá đồng đều, chênh lệch nhiệt độ giữa các tháng trong năm không cao. Nhiệt độ trung bình ở những vùng có độ cao 500÷800 m dao động từ 22÷24°C. Những vùng có nhiệt độ trên 24°C thường ở dưới độ cao 500 m. Nhiệt độ bình quân năm đạt 23,8°C ở Buôn Ma Thuột; Vùng thung lũng 21,9°C ở Buôn Hồ.

- Độ ẩm tương đối: Độ ẩm tương đối trung bình năm trong vùng nghiên cứu dao động 81÷85%. Quy luật biến đổi của độ ẩm tương đối phản ánh sự tương phản rõ nét của 2 mùa: mưa và khô, mùa mưa độ ẩm cao, mùa khô độ ẩm thấp.

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi tiềm năng dao động từ 1.000 mm ÷ 1.500 mm/năm, cụ thể tại Buôn Ma Thuột: 1.359 mm; tại Buôn Hồ: 998 mm; 1.194 mm ở M'Đrăk và 1.221 mm ở Lắk.

- Số giờ nắng: Số giờ nắng vùng nghiên cứu hàng năm khoảng 2.172÷2.489 giờ/năm. Tháng có số giờ nắng nhiều nhất thường rơi vào tháng III và đạt tới 239÷275 giờ/tháng; 9 giờ/ngày. Tháng có số giờ nắng ít nhất thường rơi vào tháng mùa mưa và chỉ đạt khoảng 100÷150 giờ/tháng; 3,4 giờ/ngày.

- Gió, bão: Hướng gió thịnh hành trong vùng thay đổi rõ rệt theo mùa. Từ tháng V tới tháng IX gió có hướng Tây, Tây Nam là chủ yếu. Từ tháng XI÷IV hướng gió Đông, Đông Nam là chủ yếu; Do tác dụng chắn ngang của dãy Trường Sơn và nằm sâu trong lục địa nên Đắk Lắk ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió bão.

- Đặc trưng mưa: Do đặc điểm địa hình và vị trí địa lý của tỉnh chủ yếu nằm ở phía Tây của dãy Trường Sơn nên phần lớn chịu tác động chủ yếu của khí hậu Tây Trường Sơn, chỉ có phần phía Đông và Đông Bắc tỉnh là huyện Krông Năng, Ea Kar và M'Đrăk là chịu ảnh hưởng của khí hậu trung gian giữa khí hậu Đông và Tây Trường Sơn. Lượng mưa bình quân nhiều năm dao động từ 1.446÷2.074 mm.

Nhìn chung khí hậu khác nhau giữa các dạng địa hình; chế độ mưa theo mùa là một trong những yếu tố đặc thù gây ra nhiều loại hình thiên tai hàng năm trên địa bàn tỉnh. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 10, tập trung 90%

lượng mưa trong năm thường gây lũ lụt, sạt lở; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa không đáng kể thường gây ra hạn hán, thiếu nước. Ngoài ra trong thời kỳ chuyển mùa thường xảy ra một số loại hình thiên tai khác như giông, sét, lốc tố. Đặc biệt trong những năm gần đây số lượng diện tích rừng cũng như chất lượng rừng tự nhiên suy giảm đã làm gia tăng tình trạng thiên tai trên địa bàn.

2. Mạng lưới sông ngòi

Tỉnh Đắk Lắk có 2 hệ thống sông chính chảy qua, đó là hệ thống sông Srêpôk và hệ thống sông Ba gồm có 3 nhánh sông Ia Hao, Krông Hnăng và sông Hinh. Hệ thống sông Srêpôk có diện tích lưu vực chiếm tới 2/3 diện tích tự nhiên toàn tỉnh, bao gồm lưu vực thuộc dòng chính Srêpôk và tiểu lưu vực Ea H'leo.

3. Diễn biến tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, với lượng mưa hàng năm từ khoảng 1.500÷2.000 mm, mật độ sông suối lớn, địa hình đa dạng, Đắk Lắk là một trong những tỉnh có tiềm năng lớn về thủy lợi, thủy điện, thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên do đặc thù về khí hậu, địa hình, địa lý tự nhiên Đắk Lắk chịu ảnh hưởng của rất nhiều loại hình thiên tai khác nhau, trong đó có một số loại hình thiên tai chủ yếu thường xuyên xảy ra **hạn hán, lũ, lũ quét, ngập lụt**; ngoài ra, còn ảnh hưởng một số thiên tai khác như sạt lở đất, lốc, sét, mưa đá...

Đặc biệt trong những năm gần đây cùng với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình hạn hán trên cả nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng diễn biến ngày càng phức tạp và nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế của nhân dân trong tỉnh, nguyên nhân do nguồn nước tại các hồ chứa thủy lợi, sông suối đã được sử dụng khá triệt để trong vụ Đông Xuân nên sang vụ Mùa nguồn nước tưới phụ thuộc rất lớn vào nguồn nước mưa giai đoạn mưa tiểu mãn nên nhiều năm bị hạn cục bộ tại các thời điểm thiếu mưa và khu vực khan hiếm về nguồn nước. Trong các giai đoạn xảy ra hiện tượng thời tiết El Nino kéo dài khoảng 2÷3 năm (2014-2016) hạn hán thường diễn ra khốc liệt vào thời kỳ mùa khô vụ Đông Xuân các năm thứ 2, thứ 3 của thời kỳ và gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho cây trồng, đặc biệt các loại cây trồng lâu năm như cà phê, tiêu, cây ăn quả có thể bị chết phải mất nhiều năm sau mới tái thiết lại được.

Hàng năm, mưa lớn kéo dài làm cho mực nước lũ các sông Ea H'leo, Krông Năng, Krông Bông, Krông Pắc, Krông Búk, Krông Ana, Krông Nô và sông Srêpôk dâng cao, gây ngập lụt một số vùng trũng, vùng ven sông tại các huyện Ea Súp, Lắk, Krông Ana, Cư Kuin, Krông Bông, Krông Pắc và Ea Kar. Ngập lụt nhiều nhất là ở vùng trũng Lắk Buôn Tráp gồm các xã và thị trấn dọc sông Krông Ana thuộc 2 huyện Krông Ana (Thị trấn Buôn Tráp, xã Quảng Điền, xã Bình Hòa, xã Ea Na) và huyện Lắk (Thị trấn Liên Sơn, xã Đắk Liêng, xã Buôn Tría, xã Buôn Triết). Trong thời kỳ lũ chính vụ từ tháng 9 đến tháng 11, khi có lũ toàn vùng Lắk Buôn Tráp bị ngập trên 10.000 ha, với độ sâu bị ngập từ 2÷4 m và thời gian ngập kéo dài hàng chục ngày. Trong các tháng 4, 5, 7 và 8 xảy ra lũ tiểu mãn, lũ sớm và lũ muộn. Trước đây khi chưa có đê Quảng Điền diện ngập từ 5.000÷6.000 ha, từ khi có đê Quảng Điền, diện ngập giảm xuống còn khoảng 3.000÷4.000 ha chủ yếu bên phía huyện Lắk, Bình Hòa, Buôn Tráp.

Các loại hình thiên tai khác như lốc, sét là loại hình thiên tai thường xảy ra trên diện hẹp, bất ngờ, trong thời gian ngắn và khó cảnh báo sớm. Trong cơn lốc,

sét thường kèm theo mưa lớn, gió mạnh và đôi khi có cả mưa đá tuy mức độ tổn thương nhỏ nhưng đây là loại hình thiên tai rất nguy hiểm, đe dọa trực tiếp tới tính mạng con người. Đối tượng bị ảnh hưởng bao gồm con người, tài sản nhà cửa, cơ sở hạ tầng, nền sản xuất nông nghiệp... Các địa phương thường chịu ảnh hưởng của lốc, sét bao gồm: Lắk, Ea Súp, Buôn Đôn, Ea Kar, Krông Buk, Krông Năng...

4. Đặc điểm dân sinh

Dân số toàn tỉnh năm 2019 khoảng 1.872.574 người, mật độ dân số trung bình 143,7 người/km². Trong đó nữ giới là 928.385 người (49,58%), nam giới là 944.189 người (50,42%), chủ yếu dân cư sống tập trung ở các vùng nông thôn chiếm 75,26% tổng dân số. Về mật độ dân số trong vùng ở khu vực thành thị dân số tập trung cao, cao nhất ở thành phố Buôn Ma Thuột (998,46 người/km²) trong khi khu vực nông thôn, đặc biệt là các huyện vùng sâu vùng xa như huyện Ea Soup, mật độ dân số chỉ có 40,13 người/km².

5. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Kinh tế chủ đạo tỉnh Đắk Lắk chủ yếu dựa vào sản xuất và xuất khẩu nông sản, lâm sản, tỉnh cũng có tiềm năng về du lịch sinh thái. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh 2010) năm 2020 đạt 61.800,68 tỷ đồng, tăng 9,86% so với năm 2019.

Bên cạnh những kết quả nổi bật về kinh tế, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; phát triển khoa học và công nghệ,... cũng đạt nhiều thành tựu.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống nhân dân khu vực nông thôn. Chương trình giảm nghèo bền vững được các cấp, ngành, địa phương tập trung thực hiện. Các chế độ, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội như: Vay vốn giải quyết việc làm, dạy nghề, khuyến nông, hỗ trợ nhà ở, trợ giúp pháp lý... được triển khai kịp thời, hiệu quả, đã giúp các hộ nghèo, cận nghèo có thêm điều kiện để phát triển kinh tế, tăng thu nhập, giảm bớt khó khăn trong cuộc sống. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 ước giảm 4,36%, đạt KH đề ra; tỷ lệ giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 6,5 (KH 2020 là từ 6,5 đến 7,0%).

Kết quả đạt được trong lĩnh vực giáo dục, y tế cũng là những điểm sáng rất đáng ghi nhận. Trong năm 2020, việc xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học được đẩy mạnh, số trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 50,21%, tăng 1,91% so với năm 2019. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 18,4%; số giường bệnh trên 01 vạn dân (không tính giường trạm y tế cấp xã) đạt 27 giường/vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ đạt 90%.

a) Đặc điểm cơ sở hạ tầng

Tình hình hoạt động khu, cụm công nghiệp: Trên địa bàn hiện có Khu công nghiệp Hòa Phú và 08 cụm công nghiệp đang hoạt động nhưng cơ sở hạ tầng còn đang trong giai đoạn đầu tư nên kết quả thu hút dự án đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp còn hạn chế, tổng diện tích các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khoảng 602,39 ha.

Tính đến tháng 12/2020, tỉnh Đắk Lắk có 16 đô thị, gồm:

- Đô thị loại I: Thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm kinh tế, chính trị, khoa học kỹ thuật của tỉnh Đắk Lắk.

- Đô thị loại IV (05 đô thị): Thị xã Buôn Hồ; thị trấn Ea Kar – huyện Ea Kar; thị trấn Phước An – huyện Krông Pắc; thị trấn Buôn Trấp – huyện Krông Ana; thị trấn Ea Đăng – huyện Ea H'leo.

- Đô thị loại V (10 đô thị): Bao gồm 06 thị trấn huyện lỵ và 02 thị trấn thuộc huyện. Ngoài ra, huyện lỵ Buôn Đôn công nhận đô thị loại V năm 2008, xã Pong Drang thuộc huyện Krông Búk công nhận đô thị loại V năm 2014.

b) Cơ sở giáo dục và đào tạo, hệ thống bệnh viện

Năm 2020, toàn tỉnh hiện có 1.045 trường học và 6 trường trung cấp, trong đó: 333 trường mầm non với tổng số học sinh khoảng 98.899 người; 703 trường học phổ thông với tổng số học sinh khoảng 367.069 người; 6 trường trung cấp chuyên nghiệp với tổng số học sinh khoảng 2.884 người; 7 trường cao đẳng khoảng 2.760 sinh viên; 2 trường đại học khoảng 12.399 sinh viên phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội cho tỉnh và khu vực.

Toàn tỉnh có 226 cơ sở y tế (gồm 27 bệnh viện, 4 nhà hộ sinh, 185 trạm y tế xã, phường và 10 cơ sở y tế khác) với tổng số 6.116 giường bệnh (bệnh viện 5.114 giường, nhà hộ sinh 18 giường, trạm y tế xã, phường 920 giường, cơ sở y tế khác 64 giường). Các cơ sở đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân trong và ngoài tỉnh.

c) Hệ thống đường giao thông

- Đường bộ

Hệ thống giao thông chủ yếu trên địa bàn tỉnh là giao thông đường bộ. Mạng lưới đường quốc lộ qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 07 tuyến với chiều dài đang khai thác là 683,07 km, bao gồm: Đường Hồ Chí Minh (QL.14) dài 126 km, QL.26 dài 119 km, QL.27 dài 88,5 km, QL.29 dài 174,37 km(1) , QL.14C dài 96,5 km, QL.19C dài 26,9 km và đường Trường Sơn Đông(2) dài 51,8 km. Trong đó, Sở Giao thông vận tải Đắk Lắk được Bộ GTVT ủy thác quản lý 03 tuyến gồm QL.27, QL.29 và QL.14C với tổng chiều dài 359,37 km. Mạng lưới hệ thống đường địa phương của tỉnh có 15.031,89 km, trong đó gồm 351,3 km đường tỉnh, chiếm 2,34%; 824,53 km đường đô thị, chiếm 5,49%; 1.343,82 km đường huyện, chiếm 8,95%; 3.220,07 km đường xã, chiếm 21,45%; 9.274,18 km đường thôn - buôn, ngõ xóm, nội đồng và đường chuyên dùng chiếm 61,77%.

- Đường hàng không

Có sân bay Buôn Ma Thuột, với các tuyến bay đến thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Vinh,... góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung, đảm bảo an ninh quốc phòng trong khu vực.

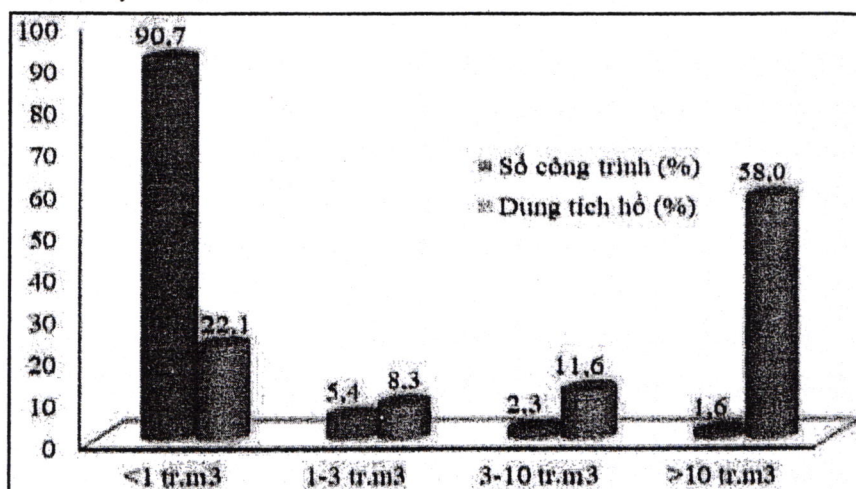
- Đường sông

Hệ thống sông của tỉnh dài 320 km, có khoảng 100 km có thể tổ chức vận tải đường thủy nhưng chủ yếu là phục vụ du lịch và khai thác cát xây dựng.

Hiện trạng thủy lợi

Toàn tỉnh hiện có 782 công trình thủy lợi (gồm 607 hồ chứa, 118 đập dâng, 57 trạm bơm) và 2.031,71 km kênh mương, đã kiên cố hóa được 1.230,59 km kênh mương các loại. Diện tích tưới trực tiếp từ công trình thủy lợi 146.725 ha (tưới lúa Đông Xuân 34.935 ha, tưới lúa Mùa 50.466 ha, tưới cà phê 57.164 ha, tưới hoa màu và cây khác 4.160 ha), diện tích tưới do tạo nguồn hỗ trợ và các hình thức công trình khác khai thác nước tưới từ các nguồn nước mặt sông suối, ao và nước ngầm tưới cho 107.524 ha. Phần diện tích còn lại sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, bơm từ sông suối không qua công trình thủy lợi hoặc phụ thuộc vào nguồn nước mưa.

Tổng dung tích toàn các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh khoảng 568,9 triệu m^3 , tổng dung tích hữu ích trên 490,48 triệu m^3 . Trong đó, 65 hồ chứa với tổng dung tích toàn bộ 467,78 triệu m^3 , đạt 82% so với tổng dung tích các hồ chứa thủy lợi có trong địa bàn tỉnh; 233 hồ chứa vừa với tổng dung tích dung tích toàn bộ 50,56 triệu m^3 , đạt 9% so với tổng dung tích các hồ chứa thủy lợi có trong địa bàn tỉnh. Phần còn lại là các hồ chứa nhỏ tổng dung tích toàn bộ đạt 9% so với tổng dung tích các hồ trên địa bàn tỉnh.



Hình 2. Biểu đồ đánh giá dung tích trữ các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nhiều công trình bị xuống cấp, các cống đầu mối bị rò rỉ, hỏng van điều tiết, tràn xả lũ bị bồi lấp cửa vào, mái đập cây cối mọc um tùm. Theo kết quả điều tra tại địa phương cũng như thực tế tại một số tuyến công trình hiện trạng thì hiện nay có trên 447 công trình cần được đầu tư nâng cấp sửa chữa lớn.

+ **Hồ chứa:** Theo điều tra của Đề án An toàn hồ chứa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong số các hồ chứa được điều tra đánh giá có khoảng 266 hồ xuống cấp cần có các giải pháp đảm bảo an toàn (Loại B, chiếm 45%), có 41 hồ chứa mất an toàn (Loại C, chiếm 6,95%).

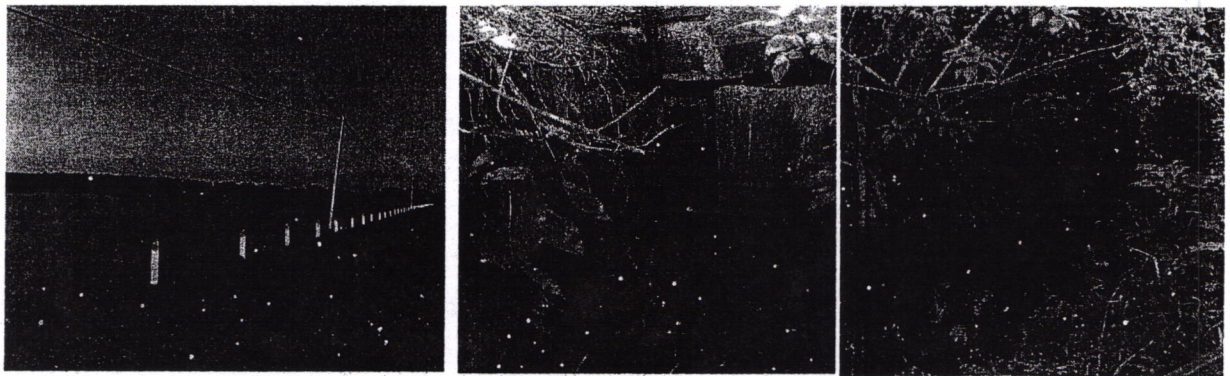
+ **Kênh mương:** Hệ thống kênh chính cơ bản đã được bê tông hóa, tuy nhiên phần kênh nhánh và kênh mương nội đồng hầu hết còn là kênh đất, các công trình trên kênh thì bị hư hỏng nhiều.

+ **Trạm bơm:** Hầu hết các trạm bơm đã được xây dựng trên 10 năm, thiết bị lạc hậu, nhiều hạng mục bị hư hỏng xuống cấp gây tổn thất nhiên liệu.

+ **Đập dâng:** Nhiều đập dâng do trước đây được xây dựng bằng đá xây, sau một thời gian sử dụng đã bị xuống cấp, hiện tượng thấm và rò rỉ nước ở hai bên tường và đáy xảy ra khá phổ biến.



Hồ Ea Mdoan – huyện M'Đrăk



Hồ Ea Kuăng – huyện Krông Pắc

Hình 3. Hình ảnh một số công trình xuống cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

- Hiện trạng cấp nước đô thị

Tổng công suất thiết kế của công trình cấp nước tập trung đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 139.280 m³/ng.đ. Công suất thực tế chiếm 43,83%, riêng địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột chiếm 77,2% trên tổng công suất cấp nước đô thị theo thiết kế của toàn tỉnh.

- Hệ thống thông tin cảnh báo

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và lân cận hiện có 4 trạm khí tượng Buôn Mê Thuột, Buôn Hồ, Lắk, M'Đrăk; 05 trạm đo thủy văn trên dòng chính các sông suối (sông Srêpôk có 02 trạm Cầu 14, Bản Đôn; sông Krông Buk có trạm Krông Buk, sông Krông Ana có trạm Giang Sơn và sông Krông Knô có trạm Đức Xuyên). Các trạm đo do Tổng cục Khí tượng Thủy văn quản lý có thời gian quan trắc liên tục và chất lượng tài liệu tin cậy.

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng công tác cảnh báo vào phòng chống thiên tai 02 năm gần đây tỉnh Đắk Lắk cũng đã thực hiện thuê dịch vụ quan trắc lượng mưa tự động với số lượng 25 trạm đo trải đều trên địa bàn tỉnh. Dữ liệu mưa được đo và báo cáo theo thời gian thực trên nền tảng Web và các thiết bị di động. Hiện tại, hệ thống này làm việc tương đối hiệu quả và chất lượng đo đạc khá tốt.

Hệ thống quan trắc nguồn nước trong các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hầu hết vẫn thực hiện đo mực nước hồ bằng phương pháp thủ công, có một số hồ lớn mới xây dựng Krông Buk hạ, hồ Ea Súp thượng, Ea Rót, Ia Mơr...

có hệ thống giám sát mực nước tự động SCADA và trạm đo mưa tự động trên lưu vực lòng hồ. Công tác giám sát lưu lượng, mực nước ở đầu các kênh chính hầu như chưa được thực hiện.

Đối với công tác quản lý nguồn nước, thiên tai hạn hán thì dữ liệu cung cấp từ hệ thống mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn, hệ thống giám sát tình hình nguồn nước trong các hệ thống thủy lợi là thông tin đầu vào quan trọng để phân tích, đề xuất giải pháp phòng chống kịp thời. Tuy nhiên, bình quân mật độ lưới trạm khí tượng trong tỉnh Đắk Lắk là 3.281 km²/trạm và trạm đo mưa là 938 km²/trạm thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu khuyến cáo của Tổ chức khí tượng thế giới (WMO) (vùng miền núi 250 km²/trạm không tự ghi, và 2.500 km²/trạm tự ghi), dữ liệu đo đặc nguồn nước các hồ thủ công, không lưu trữ, khó khai thác sử dụng. Do vậy, việc nâng cao số lượng, chất lượng, tự động hóa, cập nhật theo thời gian thực việc quan trắc khí tượng thủy văn là một nhiệm vụ cần thiết.

Hệ thống quan trắc mực nước các hồ chứa, hệ thống cảnh báo thông tin đến cộng đồng khi điều tiết các hồ chứa: Hệ thống truyền tin Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Văn phòng TT Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai – Tổng cục Phòng, chống thiên tai, Tổng cục Thủy lợi (an toàn hồ đập); hệ thống truyền tin của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Phần 2

HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2013;
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;
- Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;
- Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Đắk Lắk;
- Phương án Ứng phó thiên tai năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại công văn số 2688/PA-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên

tai” tại công văn số 43-CTr/TU của Tỉnh ủy Đắk Lắk ngày 29/6/2020; Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc triển khai Chương trình số 43-CTr/TU, ngày 29/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai” trên địa bàn tỉnh.

II. CÔNG TÁC DỰ BÁO, CẢNH BÁO SỚM

Việc dự báo, cảnh báo sớm về nắng, mưa trên địa bàn dựa vào thông tin dự báo của cơ quan khí tượng thủy văn và thông tin bổ sung từ hệ thống các trạm đo mưa, trạm đo mực nước chuyên dùng, thiết bị đo mực nước và dung tích theo thời gian tại các hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Tuy nhiên, hiện nay mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh còn khá thưa thớt, đặc biệt rất thiếu các trạm quan trắc mực nước tại vị trí đầu nguồn các sông chính nên chưa đảm bảo thông tin phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm. Bởi vậy, công tác dự báo, cảnh báo lũ cũng như nguy cơ ngập lụt vùng hạ lưu còn gặp nhiều khó khăn.

III. PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

- Năm 2019, Công an tỉnh đã sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện đường thủy (tổng số 18 phương tiện ca nô các loại) phục vụ ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh mua sắm vật chất, đóng 01 rơ moóc kéo ca nô 85V, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện cứu hộ, cứu nạn, huấn luyện công tác ứng phó sự cố PCTT và TKCN.

- Các phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai chủ yếu bao gồm ô tô, ca nô, xuồng, xà lan, xe lội nước, các loại phao, áo phao cứu sinh, máy cầu, máy xúc, máy cắt bê tông, máy đục bê tông, trạm bơm, máy bơm nước, các hệ thống làm mát, các thiết bị cấp nước và các loại trang thiết bị khác... Ca nô, nhà bạt do Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh, huyện quản lý được kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định. Xuồng, phao, các loại áo phao... được trang bị cho các đội xung kích phường, xã, đơn vị quản lý.

- Các phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống, ứng phó thiên tai được bố trí phù hợp với từng loại hình thiên tai của từng địa phương. Khi thiên tai xảy ra, các phương tiện, vật tư, trang thiết bị được huy động đến các khu vực trọng điểm, vị trí xung yếu để kịp thời ứng phó với thiên tai theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Sở Công Thương chỉ đạo các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh hàng năm lập kế hoạch dự trữ hàng hóa thiết yếu để ứng phó thiên tai, cũng như tuyệt đối không được tăng giá thành các sản phẩm thiết yếu khi thiên tai xảy ra. Một số lượng lớn gạo, mì gói, nước uống, nhiên vật liệu... được dự trữ trước mùa mưa bão.

- Sở Y tế tổ chức dự trữ đủ các cơ sở thuốc để khám và chữa bệnh, khử khuẩn nước, tiêu độc khử trùng vùng bị thiên tai.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố yêu cầu các đơn vị trên địa bàn chuẩn bị sẵn sàng các mặt hàng, phương tiện thiết yếu để sử dụng, cung cấp khi thiên tai

xảy ra; yêu cầu các doanh nghiệp trên địa bàn chung tay với chính quyền hỗ trợ ứng phó trong thiên tai khi cần thiết.

- Hàng năm công tác kiểm tra, rà soát, thống kê, tổng hợp số lượng, chất lượng vật tư, trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai đều được thực hiện theo quy định.

IV. LỰC LƯỢNG CỨU HỘ, CỨU NẠN

- Các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh phụ trách công tác phòng chống, ứng phó, sơ tán, giúp dân chằng chống nhà cửa, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả bước đầu sau khi thiên tai xảy ra. Trong đó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là lực lượng nòng cốt, phụ trách chỉ đạo chung trong công tác cứu hộ, cứu nạn. Các đơn vị tập trung lực lượng, phương tiện sẵn sàng khi có lệnh, chủ động ứng cứu trên địa bàn nhất là các khu vực xung yếu, trọng điểm khi mưa bão, ngập lụt xảy ra.

- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể tiếp tục kiện toàn tổ, đội xung kích PCTT và TKCN, sẵn sàng tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc cơ quan, đơn vị và chi viện cho các địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng của bão, mưa lũ, ngập lụt và sạt lở đất.... Là một lực lượng có chuyên môn, kiến thức; nếu được trang bị về phương tiện, điều kiện làm việc đầy đủ, sẽ góp phần đáng kể giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

- UBND các địa phương có lực lượng xung kích PCTT trên địa bàn. Ở huyện, có tổ, đội xung kích của lực lượng công an, huyện đội, cán bộ các cơ quan và đoàn thể. Ở xã, có Đội xung kích Phòng, chống thiên tai, lực lượng nòng cốt là dân quân tự vệ. Các đội xung kích PCTT cấp xã được củng cố, kiện toàn theo Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, có từ 70-80 người. Thành phần của Đội bao gồm Dân quân tự vệ tối thiểu (40), Công an xã (8), Hội Chữ thập đỏ (1), Hội Cựu chiến binh (3), Đoàn Thanh niên (6), Hội Phụ nữ (2), Công chức Địa chính-Xây dựng (1), Công chức Văn phòng-Thống kê (1), Công chức Văn hóa-Xã hội (1), Y tế cấp xã (1) và cán bộ thôn hoặc tổ dân phố (6). Đội Xung kích PCTT cấp xã là lực lượng thường trực, thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo sự phân công của Trưởng ban Ban chỉ huy cấp xã.

- Ngoài ra, UBND các địa phương còn huy động nhân lực và thiết bị của các doanh nghiệp trên địa bàn khi ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

V. THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG TRONG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Hệ thống bưu chính viễn thông tỉnh đã phát triển mạnh mẽ, hiện nay có 184/184 xã, phường, thị trấn có điện thoại, đạt tỉ lệ 100%; mạng di động phủ sóng 15/15 huyện, thị xã, thành phố. Hệ thống thông tin liên lạc chủ yếu thông qua các Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống điện thoại cố định, hệ thống điện thoại di động của các nhà mạng (Mobifone, Vinafone, Viettel), các đơn vị này chịu trách nhiệm đưa tin kịp thời tình hình diễn biến của thiên tai, lụt, bão và chỉ đạo của cấp trên để chính quyền các cấp và nhân dân phòng tránh.

UBND các cấp và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp có trách nhiệm phổ biến nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân. Phương thức truyền phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thông qua: Văn bản điện tử, fax, email, SMS, hệ thống truyền hình, phát thanh, hệ thống thông tin cảnh báo sớm, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác.

VI. NĂNG LỰC VÀ NHẬN THỨC CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành các Quyết định sau:

- Quyết định số 3397/QĐ-UBND Ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016–2020.

- Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 30/3/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Đắk Lắk.

- Kết quả triển khai chi tiết như phụ lục I kèm theo.

Năng lực phòng chống thiên tai của các Sở, ban, ngành, địa phương từng bước được nâng cao thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập, truyền thông hàng năm, nhất là hoạt động của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Cán bộ, người dân có các hoạt động tích cực trong công tác phòng chống thiên tai. Các phương án ứng phó thiên tai, kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã được chú trọng rà soát, cập nhật. Công tác chuẩn bị phòng tránh thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ” được triển khai thực hiện tại các cấp, các ngành. Người dân dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm đủ dùng 7 ngày khi mưa lũ, bão. Mua sắm cho gia đình xuống, xe máy làm phương tiện di chuyển ứng phó thiên tai. Khi sửa chữa, xây dựng nhà thì xây dựng kiên cố để chống được bão; nền nhà được tôn cao để vượt mức lũ cao nhất đã từng xảy ra. Trong nhà có bố trí gác lửng, hoặc có sàn bê tông để chứa lương thực và tránh lũ. Thầy, cô giáo chú trọng việc quản lý học sinh trong mùa mưa lũ; không cho các em ra khỏi trường khi không có phụ huynh đưa đón. Nhà trường chủ động cho học sinh nghỉ học khi bão, mưa lớn ảnh hưởng.

VII. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Hệ thống công trình phòng, chống thiên tai

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện đã xây dựng được 782 công trình thủy lợi (gồm 607 hồ chứa, 118 đập dâng, 57 trạm bơm). Trong đó có hồ chứa thủy lợi dung tích lớn là hồ chứa Ea Soup thượng, Krông Buk hạ công tác vận hành trong mùa mưa lũ vừa đảm bảo an toàn công trình, cắt giảm lũ cho hạ du đồng thời phải tích đủ nước để phục vụ sản xuất phòng chống hạn hán là hết sức quan trọng.

- Công trình hồ chứa cắt giảm lũ hạ du:

Hiện trạng công trình phòng chống lũ: Theo Quyết định số 1612/QĐ-TTg ngày 13/11/2019 Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy trình vận hành liên

hồ chứa trên sông Srêpôk, các công trình thủy lợi, thủy điện có nhiệm vụ cắt giảm lũ cho hạ du gồm:

+ Hồ chứa thủy điện Buôn Tua Srah được xây dựng trên dòng chính sông Krông Nô, tại vị trí có diện tích lưu vực 2.930 km^2 , (Whi/Wtb: $522,6/786,9$ triệu m^3), ngoài nhiệm vụ chính là phát điện, hồ còn có nhiệm vụ tham gia giảm ngập lụt cho vùng hạ du. Hồ Buôn Tua Srah có mực nước đón lũ thấp nhất là $485,5 \text{ m}$ (từ $1/8 \div 30/9$ hằng năm), tương ứng với dung tích đón lũ cao nhất khoảng $74,4$ triệu m^3 .

+ Hồ thủy điện Srêpôk 3 được xây dựng trên dòng chính sông Srêpôk tại vị trí có diện tích lưu vực 9.410 km^2 , (Whi/Wtb: $62,85/218,99$ triệu m^3), ngoài nhiệm vụ chính là phát điện, hồ còn có nhiệm vụ tham gia giảm ngập lụt cho vùng hạ du. Hồ có mực nước đón lũ thấp nhất là $269,5 \text{ m}$ (từ $1/8 \div 31/8$ hằng năm), tương ứng với dung tích đón lũ cao nhất khoảng $78,89$ triệu m^3 .

+ Hồ thủy lợi Krông Búk hạ được xây dựng trên nhánh sông Krông Búk, tại vị trí có diện tích lưu vực 452 km^2 , (Whi/Wtb: $95,74/109,34$ triệu m^3), hồ có nhiệm vụ cắt giảm lũ cho vùng hạ du. Hồ có mực nước đón lũ thấp nhất là $475,5 \text{ m}$ (từ $1/8 \div 31/8$ hằng năm), tương ứng với dung tích đón lũ cao nhất khoảng 65 triệu m^3 .

- Công trình đê, kè: Để bảo vệ sản xuất cho trên 1.780 ha vùng Quảng Điền, trên sông Krông Ana phía huyện Krông Ana cũng đã xây dựng tuyến đê Quảng Điền có chiều dài $42,083 \text{ km}$, cao trình mặt đê từ $+415,81 \div +419,3 \text{ m}$, đê kết hợp giao thông có chiều rộng mặt đê 3 m , hệ số mái đê $1,5$. Mặt và mái đê đã được gia cố bảo vệ từ năm 2012. Tuyến đê này chỉ chống được những trận lũ nhỏ như lũ sớm, lũ hè thu và lũ muộn.

- Công trình tiêu úng: Hiện tại các công trình tiêu úng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gần như chưa có gì ngoài hệ thống kênh tiêu tự chảy Bầu Dài từ đầu Buôn Tría ra Eo Đơn dài 9 km với nhiệm vụ tiêu cho khu vực Buôn Triết 2.585 ha đất canh tác.

Mặc dù trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã có một số công trình thủy lợi, thủy điện và hệ thống đê, kè, công trình tiêu úng cắt giảm lũ và ngập úng cho vùng hạ du, tuy nhiên, mỗi khi có mưa lớn, kéo dài thường bị ngập lụt, úng trên diện rộng, nhiều khu dân cư bị chia cắt là do: (i) hệ thống trục thoát lũ bị giảm năng lực; (ii) một số đập dâng trên sông chưa đáp ứng khả năng tháo lũ; (iii) công trình giao thông thiếu khẩu độ thoát lũ; (iv) đô thị hóa nhanh, giảm diện tích trữ lũ; (v) khả năng cắt lũ các hồ chứa còn thấp.

Khi có nắng hạn, khan hiếm về nguồn nước, 607 hồ chứa trên địa bàn tỉnh vẫn chưa đáp ứng cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt ngày càng tăng.

Hệ thống cung cấp nước sạch bằng các công trình cấp nước tập trung chỉ đáp ứng được các đô thị và một phần dân cư nông thôn. Tại một số khu vực, người dân nông thôn vẫn còn sử dụng nước từ các giếng đào, giếng khoan gia đình. Mỗi khi có nắng hạn gay gắt, hàng ngàn hộ dân vẫn bị thiếu nước sinh hoạt; khi xuất hiện lũ lụt các giếng thường bị ngập nhân dân không có nước sử dụng. UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị vận hành, hộ gia đình cần bảo đảm an toàn công trình cấp nước tập trung, các tuyến ống cấp nước, các giếng khoan khai thác nước dưới đất khi có mưa bão, lũ lụt.

2. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn (KTTV)

Hệ thống trạm đo mưa chuyên dùng cho các nông trường hoặc các trạm thủy văn dùng riêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thường có số liệu ngắn chỉ từ 5÷10 năm, chất lượng tài liệu không cao. Những trạm đo trước giải phóng (1975) thường bị gián đoạn do chiến tranh. Để nâng cao chất lượng công tác cảnh báo vào phòng chống thiên tai gần đây tỉnh Đắk Lắk cũng đã thực hiện thuê dịch vụ quan trắc lượng mưa tự động với số lượng 25 trạm đo trải đều trên địa bàn tỉnh. Dữ liệu mưa được đo và báo cáo theo thời gian thực trên nền tảng Web và các thiết bị di động. Hiện tại, hệ thống này làm việc tương đối hiệu quả và chất lượng đo đạc khá tốt.

Hệ thống quan trắc nguồn nước trong các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hầu hết vẫn thực hiện đo mực nước hồ bằng phương pháp thủ công, có một số hồ lớn mới xây dựng Krông Buk hạ, hồ Ea Súp thượng, Ea Rót có hệ thống giám sát mực nước tự động SCADA và trạm đo mưa tự động trên lưu vực lòng hồ. Công tác giám sát lưu lượng, mực nước ở đầu các kênh chính hầu như chưa được thực hiện.

3. Hệ thống điện, thông tin liên lạc

a) Hệ thống điện lưới

- Mạng lưới cung cấp điện của tỉnh ngày càng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo cung cấp điện ổn định cho sản xuất và sinh hoạt.

- Mạng lưới truyền tải điện trên địa bàn tỉnh gồm: Lưới truyền tải 500 KV gồm 03 tuyến đường dây 500 KV với chiều dài 397,7 km; lưới truyền tải 220 KV gồm 09 tuyến đường dây 220 KV với chiều dài 466,42 km; lưới điện 110 KV với tổng chiều dài 299,51 km; Hệ thống lưới điện trung thế ở các cấp điện áp 35 KV với tổng chiều dài là 260,727 km và 22 KV với tổng chiều dài là 3.694,05 km; đường dây hạ thế với tổng chiều dài là 5.160,73 km.

- Hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng đảm bảo an toàn, đảm bảo nguồn điện phục vụ đời sống, sản xuất cũng như khi có thiên tai bất thường xảy ra.

b) Hệ thống thông tin liên lạc

- Hạ tầng viễn thông, internet tiếp tục được đầu tư, củng cố phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại. Mở rộng và nâng cao chất lượng sóng điện thoại di động mạng 3G, 4G đảm bảo phủ sóng tới 100% địa bàn dân cư. Tính đến 31/12/2020 ước đạt 1.952.768 thuê bao (*trong đó thuê bao điện thoại cố định: 38.961 thuê bao, thuê bao điện thoại di động: 1.913.807 thuê bao*), đạt 101 thuê bao/100 dân (Dân số 1.932.100 người); cùng kỳ năm 2019 là 2.006.864 thuê bao trong đó thuê bao cố định 39.236 thuê bao, đạt mật độ điện thoại 105,9/100 dân.

- Tổng thuê bao Internet ước khoảng 336.031 thuê bao, mật độ Internet đạt 34,8 thuê bao/100 dân, tỉ lệ người sử dụng internet 111,3% (*Mật độ và tỉ lệ được tính theo thuê bao quy đổi là 01 thuê bao thực = 2,5 lần thuê bao quy đổi*) mật độ thuê bao thực là 17,4 thuê bao/100 dân, tỷ lệ người sử dụng là 60,9%; Trong đó cùng kỳ năm 2019 là 273.958 thuê bao, đạt mật độ 28,4 thuê bao/100 dân, tỉ lệ người sử dụng 90% (mật độ thuê bao thực là 14,2 thuê bao/100 dân, tỷ lệ người sử dụng là 50%).

- Mạng lưới bưu chính và chuyển phát hiện nay có tổng số: 15 đơn vị với 226 điểm phục vụ trải rộng khắp địa bàn tỉnh từ thành thị đến vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

- Sóng phát thanh, truyền hình phủ 100% khu vực dân cư trong tỉnh.

- Các cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh: Tăng cường thời lượng phát sóng, đưa tin kịp thời về dự báo, cảnh báo diễn biến thiên tai; Cập nhật kịp thời diễn biến của thiên tai để cung cấp thông tin cho người dân được biết, chủ động phòng tránh giảm nhẹ thiên tai.

- Trung tâm quản lý Cổng thông tin điện tử tỉnh: Cung cấp kịp thời các văn bản chỉ đạo Trung ương, địa phương về việc ứng phó thiên tai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để hệ thống thông tin cơ sở tiếp tục tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn

Giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được chia thành 6 hệ thống, gồm: Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng.

Hệ thống giao thông đường bộ của tỉnh có tổng chiều dài 11.216,86 km, trong đó: Có 763,37 km quốc lộ, chiếm 6,81%; 352,3 km đường tỉnh, chiếm 3,14%; 751 km đường đô thị, chiếm 6,7%; 1.343,82 km đường huyện, chiếm 11,98%; 3.220,07 km đường xã, chiếm 28,7%; 4.786,30 km đường thôn, buôn chiếm 42,67%.

Các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ phổ biến không bị ngập trong mùa lũ mà chủ yếu bị sạt lở đất, đá 2 bên đường, sụt lún nền đường do mưa, gây ách tắc giao thông và khó khăn trong công tác sơ tán, cứu nạn, cứu trợ khi có bão, lũ lụt xảy ra.

5. Hệ thống y tế, giáo dục

Trong những năm qua, ngành Y tế tỉnh Đắk Lắk tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở tất cả các tuyến trong lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Hệ thống Y tế được thống nhất quản lý trên 3 tuyến từ cơ sở đến tỉnh. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 là 95,1%. Hệ thống các công trình giáo dục (trường học) cơ bản đã được kiên cố và có thể trưng dụng làm nơi tránh trú an toàn khi có lũ, bão, ATNĐ... xảy ra.

6. Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng

Việc chủ động trong công tác phòng, chống bão, lũ, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra hết sức quan trọng. Đặc biệt, hiệu quả, tác dụng của việc triển khai xây dựng nhà cộng đồng tránh lũ đa năng "2 trong 1" (trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...) để làm nơi cho người dân đến tạm, lánh nạn trong những ngày bão lũ và sử dụng nơi sinh hoạt cộng đồng lúc bình thường.

Tỉnh Đắk Lắk xây dựng các phương án di dời người dân nơi có khả năng xảy ra thiên tai bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất... đến các nhà tránh trú trong cộng đồng nhằm hạn chế thấp nhất những hậu quả do thiên tai gây ra. Các nhà tránh trú thiên tai cộng đồng trên địa bàn tỉnh được trưng dụng từ các trụ sở UBND các xã, thị trấn huyện, thị xã, các cơ quan nhà nước, trường học, cơ sở y tế, nhà kiên cố trên địa bàn... mỗi khi xảy ra thiên tai như bão, mưa lớn, lũ, mưa đá...

7. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch, của các ngành, phát triển kinh tế-xã hội

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên hằng năm chịu ảnh hưởng bất lợi của các loại hình thiên tai như lũ lụt, hạn hán, lũ quét, sạt lở đất... Mùa khô thường xảy ra hạn hán, thiếu nước cho người, gia súc, gia cầm, sản xuất; mùa mưa thường xảy ra bão kèm theo mưa lớn gây lũ lụt, ngập úng. Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội các cấp, kế hoạch phát triển sản xuất các ngành nông nghiệp mũi nhọn như cà phê, hồ tiêu... gắn liền với công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Trong những năm trở lại đây, tỉnh đã đầu tư, nâng cao năng lực, khả năng chống chịu tác động của thiên tai đối với các hệ thống công trình cơ sở hạ tầng; kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố hồ đập, các công trình phòng chống thiên tai nhằm phòng ngừa, ứng phó với ba loại hình thiên tai chính là hạn hán, bão và lũ lụt.

a) Lồng ghép PCTT với công tác phòng ngừa, ứng phó với hạn hán:

- Phê duyệt “Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020” tại Quyết định số 3473/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk, nhằm đề xuất các giải pháp khai thác nguồn nước trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu nước cho các ngành kinh tế xã hội, phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp, cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp phòng chống hạn hán, thiếu nước.

- Công tác triển khai thực hiện các giải pháp trong Quy hoạch được Nhà nước giao cho nhiều cơ quan khác nhau quản lý từ cấp Bộ, Ban thuộc Chính phủ đến UBND cấp tỉnh, cấp huyện làm chủ đầu tư thiết kế, xây dựng công trình và bàn giao quản lý khai thác, từ năm 2010 đến nay toàn tỉnh đã nâng cấp được 105 công trình (82 hồ chứa, 15 đập dâng và 8 trạm bơm) và xây dựng mới được 101 công trình (51 hồ chứa, 40 đập dâng và 10 trạm bơm) góp phần nâng cao năng lực phòng ngừa ứng phó hạn hán, đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và phát điện. Trong đó đang chú ý là đầu tư xây dựng các dự án, công trình lớn, trọng điểm: Hồ Krông Buk hạ huyện Krông Pắc, hồ Ea Soup thượng huyện Ea Súp, đang xây dựng hồ Krông Pách thượng trên địa bàn huyện Ea Kar; nâng cấp, sửa chữa hồ Ea Kar huyện Ea Kar, hồ Buôn Triết huyện Lắk, hồ Ea Kao thành phố Buôn Ma Thuột.

- Lập kế hoạch phòng chống hạn hán: Trước mỗi vụ sản xuất, đặc biệt là trước vụ Đông Xuân và Mùa, UBND tỉnh Đắk Lắk thông qua kế hoạch và phương án phòng chống hạn hán. Trong bản kế hoạch có các nội dung chủ yếu như Đánh giá tình hình khí tượng thủy văn nguồn nước, dự báo cấp độ rủi ro thiên tai hạn hán, công tác chỉ đạo điều hành chống hạn, những giải pháp phòng chống hạn cụ thể, dự trù kinh phí và tổ chức thực hiện. Sở NN và PTNT cũng thiết lập được hệ thống ứng phó và quản lý khi xảy ra hạn hán, xây dựng các phương án cung cấp nguồn nước khi xảy ra hạn; các phương án bố trí cơ cấu cây trồng trước vụ, phương án cung cấp giống cây trồng, hỗ trợ kỹ thuật... để tái thiết và phục hồi trong và sau thời gian hạn hán.

- Công tác dự phòng: Các đơn vị quản lý và người dân trong tỉnh đều thực hiện những công việc cần thiết để có thể sẵn sàng ứng phó có hiệu quả khi hạn hán xảy ra (ví dụ: nhân lực tham gia, giếng khoan dự phòng, xe téc chở nước, thiết bị

lọc nước, bơm điện/dầu di động để tưới tận dụng nước, lương thực để hỗ trợ cứu đói...).

- Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp nước tập trung: Quá trình này được diễn ra từ rất nhiều năm để giảm nhẹ thiệt hại do hạn hán gây ra, cụ thể: Đã xây dựng được 13 công trình cấp nước tập trung đô thị với tổng công suất thiết kế là 139.280 m³/ng.đ, công suất thực tế chiếm 43,83%, riêng địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột chiếm 77,2% trên tổng công suất cấp nước đô thị theo thiết kế của toàn tỉnh; xây dựng 782 công trình thủy lợi cấp nước tưới cho khoảng 146.725 ha cây trồng các loại.

- Công tác dự báo và cảnh báo sớm: Đối với hạn hán ở tỉnh Đắk Lắk, việc dự báo tình hình khí tượng thủy văn phụ thuộc hoàn toàn vào các cơ quan chuyên ngành như Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đắk Lắk... được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc dưới dạng các bản tin dự báo gửi trực tiếp cho các đơn vị quản lý hạn hán ở Đắk Lắk làm căn cứ nhận định tình hình hạn khí tượng và thủy văn.

- Công tác ứng phó: Khi xảy ra thiên tai hạn hán tỉnh Đắk Lắk đã lập các tổ chuyên trách quản lý hạn tại mỗi ngành ở các cấp để phối hợp hành động. UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành, phối hợp các hoạt động ứng phó giữa các cấp các ngành; Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn để phục vụ ứng phó hạn và cứu trợ, quyết định phương án ứng phó khẩn cấp. Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo vận hành hồ chứa, liên hồ chứa nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thủy lợi, ưu tiên cấp nước sinh hoạt, sử dụng tiết kiệm chống thất thoát nước, ưu tiên cung cấp điện và vật tư nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm, thường xuyên kiểm tra đôn đốc công tác ứng phó tại các hệ thống cấp nước, hướng dẫn nhân dân có biện pháp tích trữ nước trong ao, đầm, huy động và vận hành các máy bơm dã chiến để bơm nước chống hạn kịp thời.

b) Lồng ghép PCTT với công tác phòng ngừa ứng phó bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, lốc, sét

- UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt “Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020” tại Quyết định số 3473/QĐ-UBND ngày 30/12/2010, phạm vi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, mục tiêu phòng chống và giảm nhẹ thiên tai do lũ, lụt gây ra trên các lưu vực sông thuộc địa bàn tỉnh, đề xuất các giải pháp khai thác sử dụng tổng hợp nguồn nước một cách hợp lý nhằm bảo vệ môi trường sinh thái bền vững. Từ năm 2010 đến nay toàn tỉnh đã nâng cấp được 105 công trình và xây dựng mới được 101 công trình góp phần nâng cao năng lực phòng ngừa ứng phó với bão, ngập lụt, đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và phát điện.

- Các dự án được xây mới, nâng cấp góp phần giảm nhẹ thiên tai trong việc điều tiết hợp lý nguồn nước, thông thoáng dòng chảy, giảm ngập cho vùng hạ du trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Công trình chống lũ có tuyến đê Quảng Điền dài 42,083 km trên sông Krông Ana phía huyện Krông Ana, tuyến đê này chỉ chống được những trận lũ nhỏ như lũ sớm, lũ Mùa và lũ muộn.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện chi nghiệp vụ: Điều tra, khảo sát, quan trắc, tích hợp định vị, nghiên cứu lập bản đồ hiện trạng sạt lở đất, ảnh hưởng giông sét, lốc tố để hỗ trợ thông tin cảnh báo thiên tai sạt lở đất, giông sét, lốc tố tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện chi thực hiện: Khảo sát, điều tra, đánh giá nguy cơ lũ quét và sạt lở đất tại một số vùng trọng điểm, lập bản đồ; đề xuất giải pháp chủ động phòng tránh (theo chỉ thị 03/CT-TTg năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện chi thực hiện: Khảo sát, điều tra lắp đặt biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở; khu vực có ngầm, tràn nguy hiểm.

c) Lồng ghép PCTT thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp tỉnh:

Việc thực hiện lồng ghép phòng chống thiên tai thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện một cách đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, thông qua các đề tài Nghiên cứu khoa học được thực hiện bởi các cơ quan có chuyên môn cao trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, phòng chống thiên tai, đã đề xuất được các giải pháp phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó trong các tình huống thiên tai khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu xây dựng khung quản lý hạn hán tổng hợp và kế hoạch sử dụng nước chủ động phòng, chống hạn hán trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên”. Đề tài được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận kết quả thực hiện tại Quyết định số 532/QĐ-BNN-TCTL ngày 24/2/2020. Kết quả nghiên cứu Đề tài đã đề xuất được khung quản lý hạn hán tổng hợp cho từng tỉnh Tây Nguyên (05 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng) đảm bảo chủ động ứng phó với hạn hán và phù hợp với điều kiện từng tỉnh; đề xuất được kế hoạch sử dụng nước đảm bảo chủ động phòng, chống hạn hán trên địa bàn từng tỉnh Tây Nguyên theo một số kịch bản ứng phó chính.

- Đề tài NCKH cấp Bộ “Nghiên cứu giải pháp phát triển công trình thủy lợi nhỏ gắn với tưới tiết kiệm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực Tây Nguyên nhằm ứng phó hạn hán”. Kết quả nghiên cứu của Đề tài đã đề xuất được giải pháp phát triển công trình thủy lợi nhỏ tích hợp công nghệ thu trữ nước mặt, bổ cập nước ngầm tạo nguồn tưới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực Tây Nguyên, tập trung cho những vùng ngoài khu tưới của công trình thủy lợi và thường xuyên bị thiếu nước; đề xuất được chính sách để nhân rộng công nghệ thu trữ nước mặt, bổ cập nước ngầm kết hợp tưới tiết kiệm nước theo hướng xã hội hóa.

- Đề tài NCKH cấp tỉnh “Đánh giá khả năng cung cấp nước mặt của hệ thống sông, suối và hồ đập phục vụ nông nghiệp tại các vùng có nguy cơ hạn hán cao của tỉnh Đắk Lắk”. Kết quả nghiên cứu của Đề tài đã đánh giá khả năng cung cấp nước mặt của hệ thống sông, suối và hồ đập trong vùng có nguy cơ hạn hán cao

của tỉnh; dự báo khả năng cung cấp nước tưới cho một số cây trồng chính của vùng nghiên cứu; Đề xuất giải pháp nâng cao khả năng khai thác và sử dụng nước của hệ thống sông, suối và hồ đập nhằm ứng phó với nguy cơ hạn hán trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Đề tài NCKH cấp cơ sở “Nghiên cứu áp dụng phương pháp chi phí lợi ích làm cơ sở đề xuất phân bổ hợp lý tài nguyên nước lưu vực sông Sê San–Srêpôk”. Đã áp dụng thử nghiệm được phương pháp phân tích chi phí lợi ích để lựa chọn các phương án phân bổ tài nguyên nước trên lưu vực sông Sê San–Srêpôk hợp lý nhất.

Ngoài ra còn một số các Chương trình, kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh:

- Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 10/8/2016.

- Nghị quyết số 141/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về An toàn hồ chứa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Xây dựng đề án tổng quan về quản lý hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Kế hoạch hành động phát triển tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 12/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 3/1/2018).

- Chương trình kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016–2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Lắk ngày 30/8/2016).

d) Lồng ghép PCTT với công tác xây dựng:

- Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp mở rộng một số khoa phòng các bệnh viện, trung tâm y tế, cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Điều trị, phân loại kịp thời các bệnh nhân vùng xảy ra thiên tai, sẵn sàng trang thiết bị, xe cứu thương, nhân viên y tế trợ giúp người dân khi xảy ra thiên tai lũ lụt.

Trong và sau mưa, bão, lũ, ngập lụt sẽ có rất nhiều vi sinh vật, bụi, rác, chất thải... theo dòng nước tràn ra nhiều nơi, gây ô nhiễm môi trường và tiềm ẩn nhiều nguy cơ dịch bệnh. Hơn nữa, mưa và ngập lụt là điều kiện thuận lợi để các loại vi khuẩn, vi rút và trung gian truyền bệnh sinh sôi phát triển và gây bệnh cho con người. Những dịch bệnh thường hay gặp trong mùa mưa lũ là: tiêu chảy cấp, bệnh đường hô hấp, bệnh về mắt, bệnh ngoài da, sốt xuất huyết... trong điều kiện bão lũ, thiên tai. Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk cần đề nghị các cơ quan, đơn vị và người dân chủ động, tham gia thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh, dịch trong bão lụt và mưa lũ, cụ thể như sau: Thực hiện các biện pháp dự phòng chủ động để đảm bảo an toàn trước mùa mưa bão và khi xảy ra bão, lũ, ngập lụt; Tìm hiểu thông tin và chủ động thực hiện khuyến cáo về các biện pháp giữ an toàn trong bão, lũ lụt, các biện pháp phòng chống tai nạn, dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm trong mùa bão lũ của các cơ quan y tế và chính quyền.

- Xây dựng các cơ sở giáo dục kiên cố là nơi tạm trú của người dân trong tỉnh khi thiên tai bão, lũ lụt xảy ra (703 trường học phổ thông, 6 trường trung cấp, 7 trường cao đẳng và 2 trường đại học).

- Mở rộng, nâng cấp hệ thống giao thông quốc lộ, tỉnh lộ, các tuyến đường giao thông nông thôn; ngoài việc bảo đảm giao thông, còn phục vụ cho công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Định hướng từ nay đến năm 2030 tiếp tục củng cố, khôi phục, nâng cấp các công trình giao thông đường bộ hiện có, hoàn chỉnh mạng lưới, xây dựng một số công trình có yêu cầu cấp thiết, đảm bảo mật độ mạng lưới đường trên 1,3 km/km²; nâng cấp hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị; cứng hóa 100% số km đường xã, 75% số km đường thôn buôn.

e) Lồng ghép PCTT với công tác bảo vệ và phát triển rừng:

Hiện tại diện tích trồng rừng mới tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đạt 3.750 ha, tăng 4,46% so với năm 2018, trong đó rừng phòng hộ đạt 271 ha, tăng 392,73%, sản lượng gỗ khai thác đạt 367.840 m³, tăng 4,12%.

Triển khai thực hiện Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng mất rừng, từng bước khôi phục, phát triển rừng. Đến năm 2030, diện tích đất có rừng của tỉnh đạt khoảng 519.289 ha, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 39,3%; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo toàn đa dạng sinh học, góp phần phòng chống thiên tai lũ lụt, sạt lở đất, phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Đánh giá: Trên địa bàn tỉnh thường xảy ra các loại hình thiên tai chủ yếu: Hạn hán, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất. Công tác lồng ghép ứng phó, khắc phục hậu quả đối với từng loại hình thiên tai, cụ thể:

- Đối với hạn hán: Diễn biến thời tiết gây hạn hán thường được dự báo sớm hơn các loại hình thiên tai khác. Trên cơ sở thông tin dự báo, cảnh báo của cơ quan Khí tượng thủy văn, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh ban hành chỉ thị, chỉ đạo các địa phương đơn vị chủ động kế hoạch sản xuất phù hợp với nguồn nước, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, thời vụ sản xuất, tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn nhằm hạn chế rủi ro gây thiệt hại. Để phòng, chống hạn hiệu quả ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã phối hợp với cơ quan liên quan thường xuyên thông tin rộng rãi về tình hình hạn hán đến chính quyền các cấp và người dân được biết để chủ động ứng phó; hướng dẫn thực hiện một số giải pháp phòng, chống hạn chủ yếu như: Giảm diện tích gieo trồng lúa nước; tăng cường quản lý nguồn nước trên địa bàn bằng các biện pháp thủy lợi (nạo vét kênh mương, đắp đập tạm, chống rò rỉ gây tổn thất nước ở các hồ chứa,...); sử dụng nước tiết kiệm và cấp nước theo thứ tự ưu tiên để phục vụ chống hạn. Khi xảy ra hạn hán, tham mưu UBND tỉnh triển khai công tác chống hạn trên cơ sở phương án ứng phó thiên tai từng năm đã được phê duyệt; chỉ đạo các địa phương chủ động các giải pháp phù hợp, lắp đặt trạm bơm dã chiến, tận dụng các nguồn nước để chống hạn, hỗ trợ kinh phí mua nhiên liệu bơm tưới, đặc biệt ưu tiên đảm bảo nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân, nước uống cho vật nuôi; tăng cường phòng chống dịch bệnh,... Sau khi hạn hán xảy ra, hướng dẫn các địa phương tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra, báo cáo UBND tỉnh và tham mưu đề xuất hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán.

- Đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất: Công tác ứng phó các loại thiên tai này phức tạp hơn, đòi hỏi tính kịp thời. Trên cơ sở bản tin dự báo mùa mưa lũ, tham mưu UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc các địa phương

rà soát phương án ứng phó mưa lũ, ngập lụt, sạt lở đất. Tập trung rà soát các khu vực dân cư có nguy cơ ảnh hưởng để lập phương án sơ tán dân khi có thiên tai, kiểm tra các công trình thủy lợi, cầu giao thông trên địa bàn kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý đảm bảo an toàn. Thường xuyên, kịp thời nhấn tin cảnh báo các hình thể thời tiết gây mưa lớn đến lãnh đạo UBND, thành viên Ban Chỉ huy PCTT cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, để biết thông tin, chủ động chỉ đạo ứng phó. Khi xảy ra mưa, lũ tham mưu UBND tỉnh triển khai phương án ứng phó thiên tai theo phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó thiên tai đúng quy định; trên cơ sở cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra ở các vùng trong tỉnh, tham mưu UBND tỉnh điều động, bố trí lực lượng, phương tiện hỗ trợ các địa phương ứng phó kịp thời. Phối hợp với các chủ hồ chứa thủy điện tham mưu Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN, Chủ tịch UBND tỉnh ra lệnh vận hành hồ chứa theo quy định đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du. Đôn đốc các địa phương chủ động triển khai phương án ứng phó thiên tai đã được phê duyệt đảm bảo an toàn về người và tài sản. Sau khi thiên tai xảy ra, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh phối hợp với các đơn vị, địa phương kiểm tra tình hình thiệt hại, công tác khắc phục hậu quả, tổng hợp báo cáo UBND; phối hợp tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, báo cáo Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai theo quy định.

- Cán bộ PCTT các cấp và người dân được tập huấn, diễn tập PCTT, tham gia các lớp quản lý, phòng ngừa thiên tai; kỹ năng tự vệ, ứng phó và cứu nạn được rèn luyện, củng cố. Phương tiện, trang thiết bị TKCN được trang bị đến cấp xã tăng cường khả năng cứu nạn trong lũ, bão... Kế hoạch PCTT các cấp, phương án ứng phó thiên tai các cấp, các công trình được lập và cập nhật hàng năm là công cụ trong phòng ngừa, điều hành ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

- Ngay khi kết thúc các đợt thiên tai, Chủ tịch UBND tỉnh – Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác định ưu tiên và xây dựng kế hoạch khôi phục và tái thiết, huy động nguồn lực tại địa phương, bao gồm ngân sách dự phòng, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân tổ chức khôi phục và tái thiết. Trường hợp nhu cầu vượt quá khả năng nguồn lực của địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin hỗ trợ.

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, kịp thời công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp triển khai ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của lực lượng vũ trang, Đoàn Thanh niên; công tác khắc phục sạt lở về đê điều, giao thông, kênh mương; cất nhà tạm cho dân, cấp phát hàng cứu trợ được kịp thời, sớm ổn định cuộc sống người dân.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã phối hợp với các sở Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí kịp thời để khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó có các nguồn kinh phí từ: Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh, Quỹ Phòng chống thiên tai.

- Các đơn vị được phân công cụ thể để thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng, trong đó tham gia chính là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp...

- UBND tỉnh thành lập Ban tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ, vận động được nhiều tổ chức, cá nhân tham gia. Tiền, hàng cứu trợ cấp phát đến người dân kịp thời, đúng đối tượng và công bằng. Mặc dù trong những năm gần đây bị nhiều đợt bão, mưa lũ lớn nhưng với sự tham gia của hệ thống chính trị, các tổ chức và cá nhân tình nguyện; sau thiên tai không xảy ra nạn đói, dịch bệnh, sớm ổn định đời sống và sản xuất người dân.

Nguồn lực tài chính

Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh và các tổ chức liên quan đã huy động nguồn lực cho công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai; góp phần ổn định đời sống nhân dân, phục hồi sản xuất và tái thiết sau thiên tai. Các nguồn tài chính được huy động:

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; ODA, viện trợ của nước ngoài để khắc phục hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Nguồn hỗ trợ từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp đến nhân dân trong việc xây dựng lại nhà ở, hỗ trợ thực phẩm, hàng tiêu dùng.

- Ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã có bố trí kinh phí dự phòng cho công tác PCTT và TKCN để mua sắm vật tư, phương tiện phục vụ hoạt động ứng phó trong thiên tai.

- Ngân sách các sở, ngành, đơn vị trang bị những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố theo phương châm “bốn tại chỗ”.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm ưu tiên vốn đầu tư trong kế hoạch hằng năm và trung hạn để xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, trên cơ sở tuân thủ theo nguyên tắc sau:

- Đối với nguồn vốn ODA không hoàn lại, ưu tiên cho các lĩnh vực: Hoàn thiện thể chế, chính sách, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý; chính sách hợp tác công-tư; dự án nâng cao năng lực quản lý, điều hành công tác phòng chống thiên tai cho cán bộ quản lý các cấp, nhất là cấp xã.

- Đối với nguồn vốn vay ODA, ưu tiên xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống phòng, chống thiên tai: Các dự án nâng cấp các hồ chứa nước; dự án xây dựng, củng cố hệ thống đê sông; xây dựng hệ thống quan trắc dự báo, cảnh báo mưa, lũ; các dự án thủy lợi chống sạt lở bờ sông, bờ suối thích ứng với BĐKH, chống ngập úng cho các địa phương, các khu công nghiệp và khu dân cư tập trung thường bị ngập sâu dài ngày; các dự án xây dựng tiêu thoát lũ.

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách hàng năm cho việc tăng cường năng lực quản lý, thực hiện các dự án xây dựng mới, nâng cấp, tu bổ các công trình, các dự án quy hoạch, các dự án tăng cường trang thiết bị dự báo, cảnh báo, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả và phục hồi sản xuất.

Phần 3

XÁC ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ RỦI RO CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

I. CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

Khí hậu khác nhau giữa các dạng địa hình, chế độ mưa theo mùa là một trong những yếu tố đặc thù gây ra nhiều loại hình thiên tai hàng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 10, tập trung 90% lượng mưa trong năm thường gây lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, lốc...; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa không đáng kể thường gây ra hạn hán, thiếu nước. Ngoài ra trong thời kỳ chuyển mùa thường xảy ra một số loại hình thiên tai khác như lốc, sét, mưa đá... Đặc biệt trong những năm gần đây số lượng diện tích rừng cũng như chất lượng rừng tự nhiên suy giảm đã làm gia tăng tình trạng thiên tai trên địa bàn tỉnh.

II. CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI CÓ KHẢ NĂNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỈNH ĐẮK LẮK GỒM:

Nắng nóng, hạn hán; Ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão; Lốc, sét và mưa đá; Mưa lớn, lũ, lũ quét và ngập lụt; Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.

Cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Đắk Lắk: (Cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

- Đối với nắng nóng, hạn hán: cấp độ rủi ro là cấp 1 đến cấp 2.
- Đối với ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão: cấp độ rủi ro từ cấp 3 đến cấp 4.
- Đối với mưa lớn, lũ, lũ quét và ngập lụt: cấp độ rủi ro từ cấp 1 đến cấp 3.
- Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: cấp độ rủi ro từ cấp 1 đến cấp 2.
- Đối với lốc, sét và mưa đá: cấp độ rủi ro từ cấp 1 đến cấp 2.

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương bởi các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, với lượng mưa hàng năm từ khoảng 1.446 mm ÷ 2.074 mm, mật độ sông suối lớn, địa hình đa dạng, Đắk Lắk là một trong những tỉnh có tiềm năng lớn về thủy lợi, thủy điện, thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên do đặc thù về khí hậu, địa hình, địa lý tự nhiên Đắk Lắk chịu ảnh hưởng của rất nhiều loại hình thiên tai khác nhau, trong đó có một số loại hình thiên tai chủ yếu thường xuyên xảy ra như: **nắng nóng, hạn hán, lũ, ngập lụt**, ngoài ra, còn ảnh hưởng một số thiên tai khác như: **lũ quét, lở đất, lốc, sét, mưa đá...**

1. Đối với nắng nóng, hạn hán

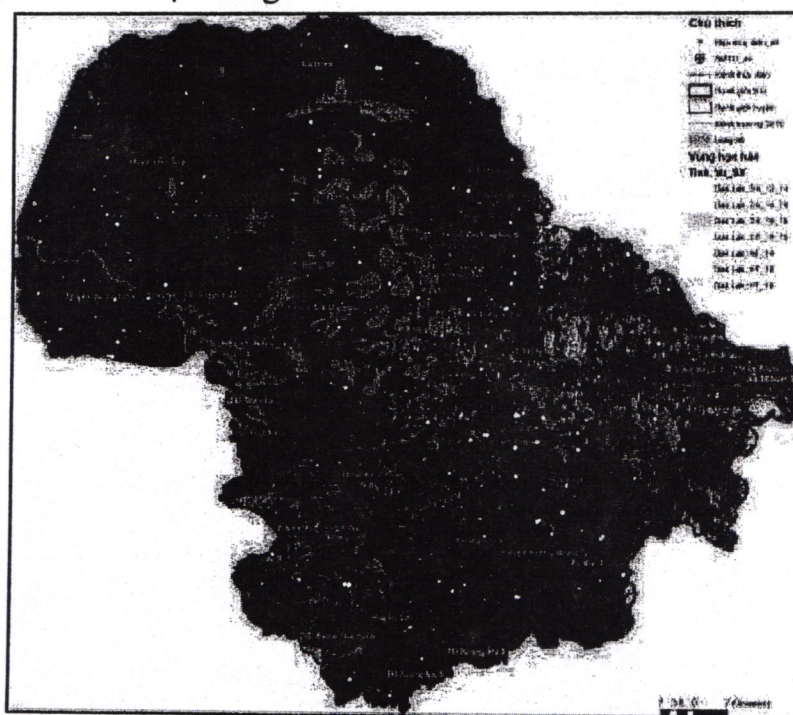
Theo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, giá trị thiệt hại do hạn hán gây ra trong 15 năm (giai đoạn 2006-2020) có khoảng 537.538 ha diện tích gieo trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước làm thiệt hại hơn 9.755 tỷ đồng, trung bình mỗi năm có khoảng 35.836 ha diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán và thiệt hại trung bình hơn 650 tỷ đồng mỗi năm.

Đợt hạn hán nghiêm trọng nhất trong thời gian gần đây là vụ Đông xuân 2015-2016 và vụ Mùa 2016: Theo thống kê Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh,

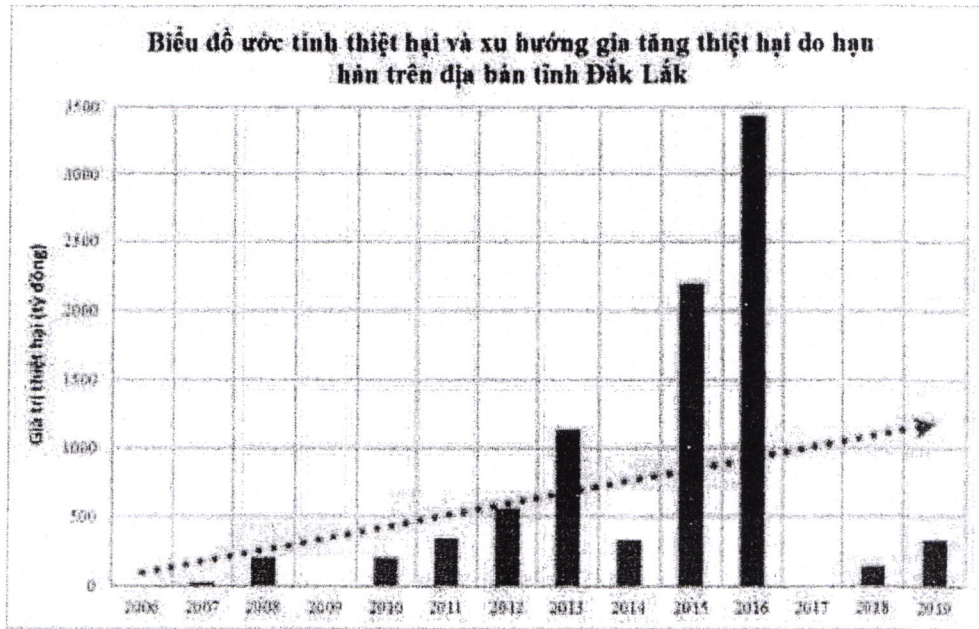
vụ Đông Xuân 2015-2016 toàn tỉnh có tổng cộng 94.760 ha cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán, trong đó 8.692 ha bị mất trắng, có 4.017 con gia súc gia cầm bị chết và 474 ha NTTS bị thiệt hại.

Đợt hạn hán năm 2019: Theo số liệu tổng kết tình hình hạn hán thì tổng diện tích bị ảnh hưởng hạn ở Đắk Lắk trong vụ Đông Xuân 2018-2019 khoảng 15.280 ha, diện tích bị thiệt hại trên 70% khoảng 1.736 ha và khoảng 3.746 hộ bị thiếu nước sinh hoạt, tổng thiệt hại ước tính khoảng 329.749 triệu đồng. Trong đó, huyện Krông Buk bị thiệt hại nặng nề nhất khoảng 182 tỷ đồng, tiếp theo là huyện Krông Năng và Cư M'Gar, Krông Păk và M'Đrăk.

Đợt hạn hán năm 2020: Theo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đắk Lắk vụ Đông Xuân 2019-2020 có khoảng 40.830 ha diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán thiếu nước (thiệt hại hoàn toàn trên 70% khoảng 3.476 ha), trong đó 2.725 ha lúa, 1.621 ha ngô và rau màu, 36.485 ha cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm, tổng thiệt hại do hạn hán thiếu nước vụ Đông Xuân 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khoảng 481.652 triệu đồng.



Hình 4. Diện tích bị ảnh hưởng bởi hạn hán tại tỉnh Đắk Lắk trong vụ Đông Xuân 2015-2016



Hình 7. Ước tính thiệt hại và xu thế gia tăng thiệt hại do hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006-2019

2. Đối với ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão

Trước đây, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của Bão. Tuy nhiên trong những năm gần đây khi có bão mạnh đổ bộ vào các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, một số vùng khu vực phía Đông, Đông Bắc tỉnh Đắk Lắk bị ảnh hưởng trực tiếp của gió bão (bão lớn vào năm 2019, năm 2017) làm tốc mái, sập nhà và đổ, gây nhiều diện tích cây trồng. Trọng điểm ảnh hưởng chủ yếu gồm các huyện: M'Đrăk, Krông Năng, Ea Kar...

3. Đối với lốc sét và mưa đá

Đây là loại hình thường xảy ra trên diện hẹp, bất ngờ, trong thời gian ngắn và khó cảnh báo sớm. Trong cơn lốc, sét thường kèm theo mưa lớn, gió mạnh và đôi khi có cả mưa đá, mức độ tổn thương nhỏ, tuy nhiên đây là loại hình thiên tai rất nguy hiểm, đe dọa trực tiếp tới tính mạng con người. Đối tượng bị ảnh hưởng bao gồm con người, tài sản nhà cửa, cơ sở hạ tầng, nền sản xuất nông nghiệp... Các địa phương thường chịu ảnh hưởng của lốc, sét bao gồm: Lắk, Ea Súp, Buôn Đôn, Ea Kar, Krông Buk, Krông Năng...

Theo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2008 đến năm 2019 các trận lốc, sét, mưa đá tại tỉnh Đắk Lắk đã làm cho 23 người chết, 26 người bị thương; số ngôi nhà bị sập, tốc mái lên đến hơn 7.000 ngôi nhà; hơn 5.000 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng; ước tính thiệt hại khoảng gần 217 tỷ đồng. Tuy thiệt hại ít về kinh tế, nhưng số người chết và bị thương có thể nói lên mức độ nguy hiểm của loại thiên tai này.

4. Đối với mưa lớn, lũ, lũ quét và ngập lụt

Mưa lớn, lũ, lũ quét và ngập lụt là loại hình thiên tai xảy ra thường xuyên và liên tục trong tỉnh Đắk Lắk. Đối tượng bị ảnh hưởng bao gồm con người, tài sản nhà cửa, cơ sở hạ tầng, nền sản xuất nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản... Khi trên địa bàn tỉnh có mưa lớn trong 24 giờ từ 200 mm đến 500 mm kéo dài từ 2 đến 4 ngày hoặc mưa lớn trong 24 giờ từ 500 mm đến 700

mm kéo dài từ 1 đến 2 ngày. Lũ trên các sông suối phổ biến đạt trên báo động III gây lũ lớn và ngập lụt hầu hết các khu vực sông trên địa bàn tỉnh. Các tuyến Quốc lộ 26, 27 đều bị ngập (do nước sông Krông Ana, sông Krông Pắc dâng cao) tại một số vị trí như đoạn qua thông Giang Sơn, xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin; đoạn qua Buôn Biấp xã Đăk Nuê, huyện Lắk; đoạn qua xã Krông Búk, xã Ea Phê huyện Krông Pắc; Các vùng nguy cơ xảy ra lũ quét gồm: huyện M'Đrăk, Ea Kar, Krông Pắc, Krông Bông, Lắk, Krông Ana, Ea Súp, Cư M'Gar...

Trong giai đoạn từ năm 2007 đến nay, các địa phương bị thiệt hại nặng nề nhất bởi ngập úng, lũ lụt bao gồm: Ea Súp (727,6 tỷ đồng), Krông Bông (604,5 tỷ đồng), Lắk (449,2 tỷ đồng) và M'Đrăk (417,2 tỷ đồng).

Trong thời kỳ lũ chính vụ từ tháng IX đến tháng XI, khi có lũ toàn vùng Lắk Buôn Tráp bị ngập trên 10.000 ha, với độ sâu bị ngập từ 2÷4 m và thời gian ngập kéo dài hàng chục ngày. Trong các tháng IV, V, VIII và XII xảy ra lũ tiểu mãn, lũ sớm và lũ muộn. Trước đây khi chưa có đê Quảng Điền diện ngập từ 5.000÷6.000 ha, từ khi có đê Quảng Điền, diện ngập giảm xuống còn khoảng 3.000÷4.000 ha chủ yếu bên phía huyện Lắk, Bình Hòa, Buôn Tráp.

Lũ năm 2000 là trận lũ lịch sử xảy ra ở tỉnh Đăk Lăk. Theo báo cáo thiệt hại do lũ gây ra trong năm 2000 toàn tỉnh Đăk Lăk có 25 người bị chết, số người cần cứu trợ lên tới 18.000 người, 7.420 ngôi nhà bị ngập, gần 400 ngôi nhà bị sập, 470 ngôi nhà bị trôi, 90 trường học và 10 cơ sở y tế bị ngập, hư hỏng, diện tích các loại cây trồng bị ngập lên tới 12.000 ha, trong đó lúa 5.500 ha. Gia súc gia cầm bị chết 26.000 con. Ngoài ra các thiệt hại về giao thông, thủy lợi cũng rất lớn, tới 90 công trình thủy lợi bị vỡ và hư hỏng, các tuyến đường giao thông bị sạt lở và ngập tới hàng trăm km.

Năm 2016, tại Đăk Lăk có 3 trận lũ gây thiệt hại nặng đã làm 2 người bị chết, 1 người bị mất tích, 1.808 ngôi nhà bị ngập, 1.841 hộ bị cô lập bởi nước lũ, trên 14 ngàn ha lúa và trên 10 ngàn ha cây trồng khác bị ngập và bị hư hại trong đó có trên 8.200 ha lúa bị mất trắng, 91 con gia súc và 32.315 con gia cầm bị chết trôi, 535 ha ao nuôi cá, tôm bị ngập, 56 km kênh mương bị sạt vỡ, 38 công trình thủy lợi bị ảnh hưởng, 224 km đường các loại bị ngập và bị ảnh hưởng bởi ngập lụt, 29 cầu kiên cố và 75 cống giao thông bị hư hỏng và bị sập. Thiệt hại trong năm 2016 do lũ gây ra cho tỉnh Đăk Lăk khoảng 1.050 tỷ đồng.

Theo thống kê của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đăk Lăk, giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2019 các trận lũ đã làm cho 58 người chết, 06 người mất tích và 48 người bị thương. Số nhà bị ngập khoảng trên 18.000 ngôi nhà; có tổng cộng khoảng trên 200.000 ha đất sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng, trong đó khoảng trên 91.000 ha đất trồng lúa, khoảng trên 55.000 ha đất trồng ngô, khoảng 13.800 ha rau màu bị ngập; Có khoảng trên 26.000 ha cây công nghiệp ngắn ngày, khoảng 22.000 ha cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả bị ảnh hưởng. Ước tính thiệt hại khoảng 5.157 tỷ đồng.

Năm 2020, các trận lũ làm 3 người chết, 3 người bị thương; 12 ngôi nhà bị hư hỏng; 7.759 ha diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi mưa lũ, ngập lụt (thiệt hại hoàn toàn trên 70% khoảng 3.626 ha), trong đó có 4.613 ha lúa, 2.969 ha ngô và rau màu, 176 ha cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm. Ước thiệt hại do mưa lũ ngập lụt năm 2020 khoảng trên 200 tỷ đồng.

(Tổng hợp thiệt hại do các loại hình thiên tai chủ yếu gây ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk chi tiết tại Phụ lục II.)

5. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ

Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ thường xảy ra khi có mưa lớn với các vùng địa hình sườn dốc có thảm phủ nghèo hoặc khi có sự cố vỡ đập. Với hiện tượng sạt lở đất, sụt lún đất thì chủ yếu công tác phòng ngừa kịp thời mới đem lại hiệu quả cao. Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk sạt lở đất, sụt lún đất thường xảy ra ở các huyện: Krông Năng, Cư M'Gar, M'Đrăk, Ea Hlêo, Krông Búk và Buôn Đôn.

Nhận định về nguy cơ thiên tai và tình hình thời tiết hiện nay

Theo Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biển đổi khí hậu, hiện nay biến đổi khí hậu dẫn tới những thay đổi về tần suất, cường độ, phạm vi không gian, và thời gian của các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, có thể dẫn đến các hiện tượng thời tiết và khí hậu khắc nghiệt chưa từng thấy.

Dự tính số lượng bão hoạt động ở Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam vào giữa cuối thế kỷ 21 có thể giảm về tần suất nhưng tăng về cường độ, gần như chắc chắn số lượng bão mạnh có xu thế tăng. Mùa bão kết thúc muộn hơn và đường đi của bão có xu thế dịch chuyển về phía Nam.

Tần suất mưa lớn sẽ tăng trong thế kỷ 21 ở nhiều vùng của Việt Nam, mưa lớn sẽ tăng rủi ro sạt lở đất ở các khu vực miền núi. Sự thay đổi lượng mưa và nhiệt độ có thể dẫn đến lũ lụt xuất hiện ngày một thường xuyên hơn, ác liệt hơn, bất thường hơn, gây tác động ngày càng rộng lớn hơn.

Số ngày và đợt nắng nóng có xu thế tăng dần trên hầu hết các khu vực, nhất là khu vực Tây Nguyên. Các đợt hạn hán gay gắt đã và đang xuất hiện nhiều hơn ở nhiều nơi; đặc biệt là cực hạn trong đó tần suất hạn cao tập trung vào các tháng vụ Đông Xuân từ tháng I-IV.

Hiện tượng El Nino/La Nina tác động mạnh mẽ đến thời tiết, khí hậu Việt Nam. Theo diễn biến lịch ENSO trong 100 năm qua, tần suất và cường độ của El Nino và La Nina thể hiện xu thế tăng. Dự tính trong thế kỷ 21, tần suất hoạt động của dạng El Nino với dị thường nhiệt độ nước biển dương trên khu vực trung tâm xích đạo Thái Bình Dương được nhận định có xu thế tăng.

Phần 4

CÁC NHIỆM VỤ, BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK

I. TỔ CHỨC PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU

1. Giải pháp phi công trình trong công tác phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế xã hội

a) Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách

Để sẵn sàng chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai có thể xảy ra, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Hàng năm rà soát và ban hành quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh và phân công nhiệm vụ thành viên nhằm huy động

tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

- Bảo đảm hoạt động hành chính của Văn phòng TT Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ phục hồi sau thiên tai.

- Rà soát chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trong tỉnh.

b) Tăng cường năng lực quản lý thiên tai

- Rà soát, xây dựng lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

- Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cho Văn phòng TT Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.

- Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng PCTT và TKCN.

- Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc PCTT và TKCN.

- Cơ chế phối hợp giữa Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh với các Tổ chức chính trị, xã hội.

- Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

c) Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa; cập nhật vận hành hồ chứa; Đánh giá sạt lở; Đánh giá nguy cơ lũ quét và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án ứng phó thiên tai

- Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du nhiều đập và hồ chứa; vận hành công trình liên hồ chứa:

- + Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập các hồ chứa nước Ea Soup hạ, Ea Soup thượng huyện Ea Súp.

- + Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập các hồ chứa nước Buôn Tría, Buôn Triết, huyện Lắk.

- + Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập các hồ chứa nước Buôn Jong, Buôn Sút.

- + Quan trắc, cập nhật thông tin liên quan đến việc vận hành các hồ chứa thủy điện Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Srêpôk 3, Srêpôk 4, Srêpôk 4A tính toán xả lũ hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpôk.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ sạt lở bờ sông, bờ suối; lũ quét; giông, sét tại các khu vực trọng điểm; phân cấp báo động lũ:

- + Khảo sát, điều tra, đo đạc, phân cấp báo động lũ và lắp đặt thủy chí quan trắc mực nước trên các sông, suối trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ dự báo, cảnh báo và báo động lũ theo quy định.

- + Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ sạt lở bờ sông, bờ suối tại các khu vực trọng điểm có diễn biến bồi xói phức tạp gây nguy hiểm đến khu dân cư và công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cảnh báo thiên tai nguy hiểm tại cộng đồng; nghiên cứu đề xuất phương án chính trị, phòng chống sạt lở nguy hiểm.

- + Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ sạt lở bờ sông, bờ suối tại các khu vực trọng điểm có diễn biến bồi xói phức tạp gây nguy hiểm đến khu dân cư và công

trình cơ sở hạ tầng phục vụ cảnh báo thiên tai nguy hiểm tại cộng đồng; nghiên cứu đề xuất phương án chính trị, phòng chống sạt lở nguy hiểm.

+ Khảo sát, điều tra, đánh giá nguy cơ lũ quét và sạt lở đất vùng các vùng trọng điểm trên địa bàn tỉnh, lập bản đồ; hỗ trợ cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; đề xuất phương án di dời dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm.

+ Điều tra, đánh giá hiện trạng, nghiên cứu đề xuất cảnh báo phòng, chống giông sét, lốc tố cho một số vùng trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

+ Khảo sát, lắp đặt trạm cảnh báo sớm lũ qua ngầm tràn giao thông, hỗ trợ cảnh báo thiên tai tại cộng đồng đảm bảo an toàn giao thông trong khi xảy ra mưa lũ.

- Đánh giá thực trạng công trình thủy lợi; nguồn nước:

+ Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng: Năng lực phục vụ tưới, điều kiện an toàn đập đối với các hồ chứa có dung tích từ 500.000÷3.000.000 m³ nước trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ thông tin, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng.

+ Quan trắc, tính toán, đánh giá thực trạng nguồn nước và dự báo lượng nước về các hồ chứa, chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước và Luật Khí tượng thủy văn phục vụ công tác phòng chống hạn của tỉnh.

+ Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và cập nhật hàng năm.

+ Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện giai đoạn 2021-2025 và cập nhật hàng năm.

+ Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp xã giai đoạn 2021-2025 và cập nhật hàng năm.

+ Cập nhật Phương án ứng phó với bão, theo cấp độ rủi ro thiên tai.

+ Phương án ứng phó lũ lụt theo cấp độ rủi ro thiên tai và cập nhật hàng năm.

+ Phương án ứng phó hạn hán theo cấp độ rủi ro thiên tai và cập nhật hàng năm.

+ Dự báo nguồn nước và Xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 15 huyện, thị và thành phố: TP Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, các huyện Ea H'leo, Ea Súp, Krông H'ăng, Krông Búk, Buôn Đôn, Cư M'Gar, Ea Kar, M'Đrăk, Krông Pắc, Krông Bông, Krông Ana, Lắk, Cư Kuin.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh:

+ Thuê bao 25 trạm đo mưa tự động chuyên dùng phục vụ công tác phòng chống thiên tai, hỗ trợ quyết định chỉ đạo điều hành, cảnh báo, báo động thiên tai cộng đồng.

+ Chi thực hiện tin nhắn (SMS) thông báo, cảnh báo thiên tai cộng đồng, phục vụ điều hành PCTT các cấp (gồm lãnh đạo UBND, VP UBND tỉnh; thành viên BCH cấp tỉnh; lãnh đạo BCH, cán bộ thường trực cấp huyện và cấp xã).

+ Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn trong tỉnh.

+ Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng BĐKH.

- Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cho cộng đồng:

+ Tổ chức Hội nghị tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng của cộng đồng về phòng chống thiên tai.

+ Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng của tỉnh.

- Chương trình trồng và bảo vệ rừng: Trồng, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn.

Triển khai thực hiện hiện chương trình trồng, bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn trong công tác phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế xã hội theo Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn đến năm 2030, UBND tỉnh Đắk Lắk đề ra kế hoạch cần thực hiện:

- Về bảo vệ và tăng độ che phủ rừng:

+ Độ che phủ rừng giai đoạn 2020-2025: 39%; giai đoạn 2025-2030: 39,3%

+ Tổng diện tích đất có rừng giai đoạn 2020-2025: 515.325 ha; giai đoạn 2025-2030: 519.289 ha

- Về Khôi phục và phát triển rừng giai đoạn từ nay đến năm 2030:

+ Rừng trồng đặc dụng, phòng hộ: 1.100 ha, bình quân 73 ha/năm.

+ Trồng rừng sản xuất: 26.155 ha, bình quân 1.744 ha/năm (bao gồm cả diện tích khai thác, trồng lại rừng hàng năm).

+ Khoanh nuôi tái sinh rừng: 27.160 ha, bình quân 1.810 ha/năm.

+ Trồng cây phân tán: 13.700 nghìn cây, bình quân 913 nghìn cây/năm (cây phân tán không tham gia tính độ che phủ rừng).

- Ứng dụng Khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp: Chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, ứng dụng KHCN trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với thiên tai tại địa phương.

d) Tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt, tăng năng suất cho cây trồng:

- Đến năm 2020, trồng trọt vẫn là ngành quan trọng góp phần đảm bảo an ninh lương thực và tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Nâng cao hiệu quả của ngành trên cơ sở đa dạng hoá sản phẩm, phát huy lợi thế từng vùng;

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Xây dựng và hình thành các vùng sản xuất cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả và sản ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng hàng nông sản và hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích đất nông nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Chú trọng các khâu công nghệ sau thu hoạch và chế biến, đặc biệt là chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất khoảng 3,4÷3,9%/năm. Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành trồng trọt trong toàn ngành khoảng 70÷72% vào năm 2020 (năm 2015 là 75,3%).

e) Tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi:

- Tiếp tục phát triển mạnh, coi chăn nuôi là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp. Phát huy hiệu quả các mô hình về chăn nuôi lợn, gia cầm tập trung ở Buôn Ma Thuột, Krông Pắc, EaKar; nhân rộng ở các xã có điều kiện thuận lợi nhằm tạo khối lượng sản phẩm lớn, chất lượng cao phục vụ thị trường tiêu thụ trong nước. Chú trọng đầu tư công tác giống để phát triển đàn lợn hướng nạc, đàn bò lai lấy thịt, sữa. Khuyến khích phát triển trang trại chăn nuôi hàng hoá tập trung theo phương thức công nghiệp, xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, đảm bảo cung cấp thực phẩm sạch, an toàn cho thị trường nội địa.

- Từng bước tổ chức lại chăn nuôi theo hướng liên kết và quản lý theo chuỗi sản phẩm khép kín từ chuồng nuôi đến thị trường tiêu thụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi.

- Định hướng đến năm 2030, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng bình quân $5,5 \div 6,5\%$ /năm.

- Đưa tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt $23 \div 24\%$ vào năm 2020 và $25 \div 26\%$ vào năm 2030.

- Tăng quy mô và tỷ trọng chăn nuôi trang trại và công nghiệp đạt $25 \div 30\%$ tổng giá trị sản lượng chăn nuôi năm 2020, đạt $45 \div 50\%$ vào năm 2030.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi: số hộ chăn nuôi gia trại, trang trại có hệ thống xử lý chất thải đạt 100% năm 2020.

f) Lĩnh vực lâm nghiệp:

- Giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; phát huy có hiệu quả các chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, tính đa dạng sinh học của rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai lũ lụt, sạt lở đất.

- Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích; chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, từng bước đáp ứng nhu cầu gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất giấy, ván nhân tạo, đáp ứng nhu cầu gỗ, củi và các lâm đặc sản cho tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

- Tổ chức lại ngành công nghiệp chế biến gỗ để cân đối giữa năng lực sản xuất và nguồn cung nguyên liệu ổn định; đổi mới công nghệ chế biến gỗ theo hướng hiện đại, ưu tiên sử dụng gỗ rừng trồng; ưu tiên đầu tư vào các sản phẩm phù hợp với thị trường và nâng cao giá trị gia tăng.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng và đảm bảo an ninh, quốc phòng.

g) Lĩnh vực thủy sản:

- Phát triển NTTS trên cơ sở quy hoạch thủy sản đã được phê duyệt, đảm bảo lợi ích giữa các thành phần kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, góp phần xóa đói giảm nghèo làm thay đổi cuộc sống của người dân, đồng thời cần chủ động ứng phó mưa bão trong nuôi trồng thủy sản

- Các đối tượng nuôi cần được ưu tiên phát triển là cá rô phi đơn tính, cá nước lạnh, cá truyền thống và các loại thủy sản có giá trị cao khác. Về hình thức

nuôi, cần mở rộng diện tích nuôi công nghiệp, thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, theo quy chuẩn quốc tế, áp dụng rộng rãi quy trình thực hành nuôi tốt (GAP). Về địa bàn, tập trung ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác lợi thế của từng vùng.

2. Giải pháp công trình trong công tác phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế xã hội

a) Đầu tư, nâng cấp, xây dựng mới công trình thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế xã hội và phòng chống thiên tai

- Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới từ năm 2010 đến nay:

Từ năm 2010 đến nay toàn tỉnh đã nâng cấp được 105 công trình (82 hồ chứa, 15 đập dâng và 8 trạm bơm) và xây dựng mới được 101 công trình (51 hồ chứa, 40 đập dâng và 10 trạm bơm) góp phần nâng cao năng lực phòng ngừa ứng phó với bão, ngập lụt, đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và phát điện.

- Kế hoạch nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn công trình qua các giai đoạn:

Giai đoạn 2021-2025 nâng cấp 100 công trình (92 hồ chứa, 5 đập dâng và 3 trạm bơm).

- Kế hoạch xây dựng mới qua các giai đoạn:

Giai đoạn 2021-2025 đề xuất xây dựng mới 68 công trình (49 hồ chứa, 3 đập dâng và 16 trạm bơm) trong đó hoàn thiện hồ Ea H'Leo 1 và xây dựng hồ Krông Năng.

- Phương án nâng cao hiệu quả sử dụng nước:

Ngoài 5 công trình (hồ Krông Búk hạ, hồ Buôn Jong, hồ Ea Kuăng, hồ Trung Tâm, hồ Đồi 500) đã được ADB 8 cam kết tài trợ nguồn vốn để mở rộng khu tưới, nâng cao hiệu quả sử dụng nước. Đề xuất mở rộng khu tưới ở các công trình: Hệ thống hồ Ea Súp, mở rộng khu tưới thêm 450 ha so với hiện nay; hồ Krông Năng mở rộng thêm 1.000 ha so với thiết kế thành 8.500 ha, công trình chuyên nước từ Buôn Tua Srah sang hồ Buôn Triết mở rộng khu tưới của hồ Buôn Triết thêm 2.200 ha.

- Công trình ưu tiên khuyến khích áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước phòng chống hạn hán:

+ Giai đoạn 2021-2030: lựa chọn khoảng 100 công trình thủy lợi hỗ trợ người dân áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm.

+ Chi tiết kế hoạch nâng cấp sửa chữa, xây mới các công trình phòng chống thiên tai qua các giai đoạn, các công trình ưu tiên khuyến khích áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước phòng chống hạn hán xem tại Phụ lục 06.

b) Định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông kết hợp phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế xã hội

Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, đảm bảo tính kế thừa, khả thi, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu vận tải ở từng thời kỳ trên khắp địa bàn tỉnh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai.

c) Kế hoạch cấp nước

- Kế hoạch cấp nước giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh Đắk Lắk phấn đấu 100% các đô thị trên địa bàn được đầu tư (hoặc có dự án đầu tư) hệ thống cấp nước sạch tập trung; tỷ lệ cấp nước sạch bình quân tại các đô thị đạt 92% (riêng TP. Buôn Ma Thuột đạt 95%, khu vực ngoại thành đạt trên 80%); tiêu chuẩn cấp nước bình quân 130 lít/người/ngày đêm; chất lượng nước đạt chuẩn quy định tại tất cả các đô thị trong tỉnh, dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ/ngày; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch tại các đô thị bằng hoặc dưới 15%.

- Ngoài ra, ưu tiên khai thác nguồn nước mặt, từng bước giảm lưu lượng khai thác nước ngầm hợp lý, đối với TP. Buôn Ma Thuột, tỷ lệ khai thác nước ngầm đến năm 2025 không quá 30% so với công suất khai thác; Khu công nghiệp Hòa Phú, Cụm công nghiệp Tân An có triển khai dự án cấp nước tập trung, đáp ứng dịch vụ cơ bản theo yêu cầu về áp lực và lưu lượng...

- Giai đoạn từ nay đến năm 2025 toàn tỉnh có 7 dự án công trình cấp nước đô thị đã, đang và chuẩn bị đầu tư với tổng kinh phí khoảng 1.144 tỷ đồng; đồng thời có 9 dự án công trình cấp nước được ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2020-2025 với tổng mức đầu tư khoảng 475 tỷ đồng; trong đó có 3 công trình xây mới và 6 công trình nâng cấp từ hệ thống cấp nước hiện có.

d) Công trình đo đạc, giám sát, cảnh báo sớm

- Khảo sát, lắp đặt trạm cảnh báo sớm lũ qua ngầm tràn giao thông, hỗ trợ cảnh báo thiên tai tại cộng đồng đảm bảo an toàn giao thông trong khi xảy ra mưa lũ.

- Đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, bổ sung thêm các trạm đo mưa khí tượng, mưa, thủy văn trên địa bàn tỉnh do Tổng cục Khí tượng Thủy văn quản lý tại những vùng còn thiếu hoặc chưa có trạm đo như vùng Ea Soup, Krông Bông, Lắk...;

- Lắp đặt hệ thống giám sát mực nước hồ chứa, đo mưa lưu vực hồ tự động cho 15 hồ chứa lớn gồm: Hồ Ea Kao, hồ Ea Chư Kấp hạ, hồ Buôn Jong, hồ Ea Rót, hồ Ea Kar, hồ Ea Knốp, hồ Ea Nhái, hồ Buôn Tría, hồ Buôn Triết, hồ Đắk Minh, hồ Ea Bông, hồ Yang Reh, hồ Ea Kuang, hồ Ea Uy, hồ Vụ Bồn. Khuyến khích đơn vị Quản khai thác công trình thủy lợi lắp đặt hệ thống quan trắc mực nước hồ, lưu lượng công tự động theo công nghệ phù hợp điều kiện kinh tế.

II. CÁC BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ

1. Trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai

a) Thiên tai cấp độ 1:

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Chủ tịch UBND cấp xã được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

+ Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

- Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hỗ trợ.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ 2 xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

+ Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

b) Thiên tai cấp độ 2

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

+ Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân; lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng vũ trang địa phương và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

+ Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh; vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai của tỉnh và của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên, hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trong trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh, Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN hỗ trợ.

c) Thiên tai cấp độ 3

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chịu trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Trường hợp thiên tai xảy ra ở mức độ vượt quá cấp độ 3 hoặc có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng báo cáo khẩn trương về Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ.

d) Thiên tai cấp độ 4

- Tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN;

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn;

- Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP của Chính phủ, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

e) Thiên tai cấp độ 5

Khi xảy ra thiên tai cấp độ 5 việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

- Công tác sơ tán người dân về nơi an toàn

Căn cứ vào các bản tin dự báo, cảnh báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Công điện của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo ứng phó với mưa lớn, lũ lụt, bão, áp thấp nhiệt đới, UBND các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị triển khai thực hiện:

+ Kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ sơ tán người dân vùng ngập lũ, vùng sạt lở đến nơi trú, tránh an toàn.

+ Tổ chức cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

+ Huy động đội ngũ y sĩ, bác sĩ tại chỗ, phương tiện, thuốc men để sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

+ Tổ chức các đoàn, đội tình nguyện cứu trợ dân sinh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh nơi sơ tán.

- Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp

+ Các phương tiện thông tin, truyền thông tăng cường đưa tin về thiên tai cho chính quyền các cấp và nhân dân biết để chủ động phòng tránh, ứng phó.

+ Ưu tiên xử lý sự cố thông tin và duy trì thông tin liên lạc bằng tất cả các hệ thống tại UBND các cấp, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan; duy trì 24/24h nguồn điện ưu tiên và máy phát điện dự phòng của từng cơ quan, đơn vị.

+ Nếu các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel... không liên lạc được thì dùng các máy thông tin di động vô tuyến sóng ngắn Codan; hoặc sử dụng mạng thông tin chuyên dùng Inmarsat để phục vụ.

+ Phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh phục vụ chỉ huy ứng phó.

- Triển khai công tác bảo đảm y tế

Thành lập và bố trí các đội y tế lưu động tại các địa phương để chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các địa điểm ngập lũ, ảnh hưởng bão cần bố trí các đội y tế tại các trạm y tế phường, xã, thị trấn trên địa bàn.

+ Các Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm y tế phải bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế, thuốc, hóa chất phục vụ khám chữa bệnh, cấp cứu, điều trị bệnh nhân trong và sau bão, lũ.

+ Các đội cấp cứu lưu động phải có y sĩ, bác sĩ, thuốc, hóa chất trang thiết bị và phương tiện cần thiết để sơ cấp cứu ban đầu bệnh nhân nơi sơ tán.

+ Trung tâm y tế cấp huyện phối hợp với các đơn vị liên quan sơ cấp cứu người bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân, phòng chống dịch bệnh bùng phát.

+ Trạm y tế xã phối hợp các đội y tế lưu động kiểm tra sức khỏe, sơ cấp cứu người dân, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn.

- Bảo đảm cấp nước đô thị

Tổ chức thực hiện thoát nước, chống ngập úng tại các thành phố, thị xã, huyện thường xuyên bị ảnh hưởng nặng nề bởi ngập lụt như Ea Suop, Krông Bông, Lắk, M'Đrăk bao gồm:

+ Nạo vét các tuyến cống, hồ ga bảo đảm dòng chảy được thông suốt.

+ Thu dọn cây cối, vật thải ở các tuyến đường để thông thoáng dòng chảy.

+ Bố trí lực lượng, phương tiện, vật tư ở các tuyến đường, hầm tuy nèn, cống thoát nước để xử lý ngay sự cố.

+ Lắp dựng biển báo, thanh chắn, đèn tín hiệu, bố trí người trực canh ở các vị trí ngập nước, sự cố bảo đảm an toàn cho người, phương tiện giao thông.

- Cung cấp nước sạch cho dân cư

+ Thực hiện phương án bảo vệ an toàn cho công trình cấp nước, các giếng khoan, giếng đào khai thác nước dưới đất, đường dẫn cấp nước đến khu dân cư.

+ Kiểm tra, bảo vệ an toàn các tuyến ống dẫn nước và thiết bị đến tận nhà dân, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Đối với vùng ngập lũ, sạt lở đường ống cấp nước bị sự cố, tổ chức lực lượng khắc phục ngay để cấp nước liên tục.

+ Tổ chức vận hành nhà máy cấp nước theo quy trình, bảo đảm an toàn, tiết kiệm khi xảy ra mưa lũ, bão.

+ Khử trùng các giếng vùng ngập lụt

III. TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI

1. Phương châm ứng phó

- Công tác phòng, chống thiên tai phải lấy phòng ngừa là chính, dựa vào nhân dân và chính quyền cơ sở là chính. Đầu tư trong giai đoạn phòng ngừa sẽ mang lại hiệu quả cao hơn rất nhiều so với giai đoạn ứng phó, khắc phục hậu quả.

- Thực hiện phòng chống theo phương châm 4 tại chỗ, đảm bảo an toàn về người và tài sản, bảo vệ sản xuất, hạn chế thấp nhất rủi ro do thiên tai gây ra.

- Bảo vệ an toàn các công trình quan trọng về an ninh Quốc gia, công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt.

2. Phương án ứng phó một số loại hình thiên tai cụ thể

a) Phương án ứng phó với hạn hán

Đây là loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những năm gần đây, đã gây thiệt hại rất lớn đến đời sống của nhân dân. Để chủ động đối phó với tình hình hạn hán có thể xảy ra, đảm bảo đủ nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp của nhân dân cần thực hiện một số giải pháp sau:

* Về bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

- Theo dõi chặt chẽ thông tin, diễn biến thời tiết, nguồn nước, nhất là thông tin dự báo về mưa, dòng chảy, thường xuyên tổ chức kiểm đếm cụ thể nguồn nước trữ tại các hồ chứa, sông, suối;

- Tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương, cửa vào các cống lấy nước, trạm bơm tưới, ao, giếng, khơi thông dòng chảy, lắp đặt trạm bơm dã chiến, phương tiện lấy nước để chủ động vận hành, đảm bảo đủ điều kiện dẫn nước thông thoáng từ đầu mối tới mặt ruộng, tận dụng mọi nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt;

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước, chống rò rỉ, thất thoát; sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường sử dụng các biện pháp tưới luân phiên, tiên thiên, tiết kiệm nước cho lúa và các cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao;

- Đề xuất kế hoạch điều tiết các hồ chứa thủy điện để cung cấp nước cho vùng hạ du trong các thời kỳ khô hạn, bảo đảm đủ nước phục vụ sinh hoạt, nông nghiệp; với các hồ chứa thủy điện đang có dung tích trữ thấp, đề nghị không phát điện theo thị trường cạnh tranh, ưu tiên phục vụ dân sinh và sản xuất nông nghiệp;

- Xây dựng các bản tin về dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ chỉ đạo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp hàng tuần, trước mỗi vụ sản xuất cho từng địa phương trên địa bàn tỉnh;

- Trên cơ sở khả năng cân đối nguồn nước, bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý; các vùng thường xuyên thiếu nước tưới, xem xét chuyển đổi sang cây trồng cạn sử dụng ít nước tưới hơn hoặc không canh tác để tránh thiệt hại do hạn hán, thiếu nước gây ra;

- Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để vận động, hướng dẫn nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện tốt công tác phòng, chống hạn hán. Biểu dương, khuyến khích những địa phương, chính quyền cơ sở đã chủ động và có những sáng kiến chống hạn mang lại hiệu quả cao;

- Trong thời kỳ khô hạn cần có phương án cấp đủ nước uống hợp vệ sinh cho đàn trâu, bò đặc biệt những nơi có đàn trâu bò chăn nuôi phương thức thả thả cần chủ động nguồn nước nơi bãi chăn và nơi nhốt gia súc.

* Về đảm bảo cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ

Các công ty cấp thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp có xây dựng, phê duyệt và chủ động triển khai phương án cấp nước sinh hoạt cho người dân, các khu công nghiệp trên địa bàn quản lý khi hạn hán xảy ra.

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

- + Chủ động trong công tác phòng, chống hạn, cân đối khả năng cung cấp nước phục vụ cho các nhu cầu sử dụng trên địa bàn, ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt.

Theo dõi kịp thời thông tin dự báo khí tượng, thủy văn, rà soát, đánh giá thực trạng nguồn nước để chủ động khai thác, điều tiết, sử dụng hiệu quả.

+ Tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân ý thức về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, có biện pháp tích trữ nước dự phòng để phục vụ sinh hoạt, sử dụng nước tiết kiệm.

+ Chú trọng công tác tập huấn cho cán bộ kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình và cấp nước nhằm giúp cho công trình hoạt động bền vững và phát huy hiệu quả.

+ Tại một số công trình cấp nước tập trung bằng giếng khoan có nguy cơ thiếu nước, cần đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình, bổ sung giếng khoan hoặc giếng đào hợp lý, bổ sung bể chứa, trang bị máy bơm đảm bảo vận hành cấp nước.

+ Đầu tư lắp đặt, mở rộng và kéo dài thêm một số tuyến ống dẫn nước vào các khu dân cư đang gặp khó khăn về nước sinh hoạt. Lắp đặt hệ thống máy bơm tăng áp biến tần để bơm bổ sung áp lực cho khu vực mở rộng, khu vực trên cao thiếu nước.

+ Cải tạo, nâng cấp quy mô công trình cấp nước tập trung đã có nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân; nạo vét, sửa chữa các giếng, công trình cấp nước nhỏ lẻ của các hộ dân.

+ Các đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành công trình cấp nước tập trung trên địa bàn thường xuyên kiểm tra các tuyến ống nhằm khắc phục sự cố kịp thời để tránh thất thoát nước. Đánh giá nhu cầu lượng nước người dân sử dụng hàng ngày để có kế hoạch điều tiết hợp lý và tiết kiệm. Có phương án xử lý các trường hợp xảy ra sự cố bố trí cấp nước lưu động bằng xe téc cung cấp nước cho các khu dân cư.

* Về phòng, chống cháy rừng

+ Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đôn đốc công tác PCCCR tại cơ sở. Coi công tác PCCCR là nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền địa phương các cấp.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án PCCCR trên địa bàn, tổ chức lực lượng, phương tiện, trang thiết bị PCCCR đảm bảo xử lý các tình huống cháy rừng xảy ra; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ, kiên quyết không để xảy ra cháy lớn; rà soát, hoàn thiện quy chế phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Bộ đội Biên phòng trong công tác bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn.

+ Kiểm soát việc đốt nương làm rẫy và những hành vi dùng lửa khác trong khu vực rừng và gần rừng, hướng dẫn và quản lý chặt chẽ việc đốt nương làm rẫy theo quy hoạch.

+ Rà soát lại các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng rất cao với quy mô đám cháy lớn để bổ sung phương án chữa cháy rừng, tùy theo diễn biến tình hình thời tiết và thực tiễn khu vực rừng có nguy cơ xảy ra cháy lớn tại các địa phương, đảm bảo việc hỗ trợ huy động lực lượng chữa cháy khi vượt quá tầm kiểm soát và khả năng giải quyết của địa phương

+ Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chính quyền các cấp và người dân, nhằm phát hiện sớm điểm cháy và chữa cháy kịp thời; phối hợp với cơ quan

truyền thông tăng thời lượng đưa tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Phương án ứng phó đối với ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới:

Những năm gần đây bão mạnh thường đổ bộ vào một số vùng khu vực phía Đông, Đông Bắc tỉnh Đắk Lắk bị ảnh hưởng trực tiếp của gió bão (điển hình cơn bão lớn vào năm 2009; cơn bão số 12 năm 2017) làm thiệt hại đến nghiêm trọng đến người và tài sản. Nhiệm vụ và phương án ứng phó của các cấp như sau:

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh thông báo kịp thời cho UBND cấp huyện vùng dự báo chịu ảnh hưởng bão các bản tin của Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh dự báo về tình hình bão và ban hành công điện chỉ đạo, điều hành phòng, chống bão trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp với các sở, ngành cùng với địa phương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành lực lượng ứng cứu (khi cần thiết).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) chỉ đạo các phòng, ban, UBND cấp phường, xã, thị trấn phối hợp với lực lượng làm công tác cứu hộ, cứu nạn tại địa phương giúp nhân dân chằng chống nhà cửa, sơ tán khỏi vùng ngập lụt, khuyến cáo nhân dân khẩn trương thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy sản tại địa phương... nhằm hạn chế thiệt hại do bão, lũ gây ra.

- Khi có ảnh hưởng gió bão mạnh, chính quyền địa phương (cấp cơ sở) chủ động triển khai phương án chống bão đã xây dựng và được phê duyệt.

c) Phương án ứng phó đối với lốc, sét, mưa đá

Đây là loại hình thiên tai xảy ra có tính cục bộ, trên diện hẹp, có mức độ nguy hiểm cao, đặc biệt về tính mạng của con người và khó dự báo sớm. Cấp độ rủi ro thiên tai có 2 cấp. Hàng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thường xuyên chịu ảnh hưởng của lốc, sét, mưa đá. Vùng trọng điểm ảnh hưởng gồm các huyện: Ea Súp, Buôn Đôn, Krông Búk, M'Đrăk, Krông Năng, Ea Kar.... Nhiệm vụ và giải pháp:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng, chống lốc, sét, mưa đá để người dân nâng cao nhận thức, tránh tư tưởng chủ quan gây thiệt hại. Thường xuyên thông tin đến tận cộng đồng các bản tin dự báo, cảnh cáo kịp thời để chủ động phòng, tránh.

Khuyến cáo nhân dân chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó với lốc, sét, mưa đá; chỉ đạo địa phương vùng ảnh hưởng tăng cường phương châm 4 tại chỗ, tập trung huy động mọi nguồn lực để ứng cứu và khắc phục hậu quả, thực hiện vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội vùng xảy ra lốc, sét, mưa đá. Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các địa phương phối hợp với UBND các cấp chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể các phường, xã, thôn, buôn giúp đỡ những gia đình bị nạn sửa chữa, nhà cửa; chủ động hỗ trợ kịp thời đối với các gia đình bị thiệt hại nặng; hướng dẫn kiểm tra, báo cáo thiệt hại, lập văn bản kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân.

d) Phương án ứng phó đối với mưa lớn, lũ, ngập úng

- Mức độ rủi ro cấp độ 1:

Mưa lớn trong 24 giờ từ 100÷200 mm kéo dài từ 1 đến 2 ngày gây ngập cục bộ một số vùng trũng, vùng ven sông tại các huyện: Lắk, Krông Ana, Cư Kuin,

Krông Bông, Krông Pắc, Ea Súp và Ea Kar. Nhiệm vụ và phương án ứng phó của các cấp như sau:

+ Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các cấp, các chủ quản lý công trình thủy lợi, thủy điện tổ chức tuần tra, thực hiện phương án bảo vệ các hồ đập xung yếu, đối phó với lũ, lụt theo phương châm “4 tại chỗ” để xử lý sớm các sự cố công trình (nếu có).

+ Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các địa phương vùng ảnh hưởng triển khai phương án phòng, chống ngập lụt; đồng thời khuyến cáo nhân dân thu hoạch gấp sản phẩm nông nghiệp, thủy sản để phòng thiệt hại do ngập lụt.

+ Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi sát diễn biến mưa, lũ, tình hình ngập lụt, thông báo thường xuyên cho nhân dân vùng bị ảnh hưởng chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó, chuẩn bị di chuyển người, tài sản đến nơi an toàn; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, thông tin liên lạc; kiểm tra, rà soát, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng phòng, chống lụt bão để triển khai phương án sơ tán nhân dân đến nơi an toàn.

- Mức độ rủi ro cấp độ 2:

Mưa lớn trong 24 giờ từ 100÷200 mm kéo dài từ 2÷4 ngày hoặc mưa lớn trong 24 giờ từ 200÷500 mm kéo dài từ 1 đến 2 ngày. Lũ trên các sông suối phổ biến đạt báo động III và trên báo động III gây lũ lớn và ngập lụt nhiều vùng trong tỉnh. Quốc lộ 27 bị ngập (do nước trên sông Krông Ana dâng cao) đoạn qua thôn Giang Sơn, xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin, Buôn Biếp, huyện Lắk, sạt lở một số vị trí đoạn đèo huyện Lắk; Quốc lộ 26 bị ngập tại km 39 xã Ea Phê; Tỉnh lộ 1 bị ngập ở khu vực gần thị trấn Ea Súp; địa bàn các huyện: Lắk, Krông Ana, Krông Bông, Buôn Đôn, Cư Kuin, Ea Súp có một số vùng trũng bị ngập và bị chia cắt. Nhiệm vụ và phương án ứng phó của các cấp như sau:

+ Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải phối hợp với địa phương vùng ngập tăng cường ca nô, dầm cầu, máy xúc, máy ủi tại các địa phương xử lý sự cố ngập và sạt lở đảm bảo giao thông thông suốt; thực hiện phân công nhiệm vụ, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh đến địa bàn phụ trách để phối hợp UBND các huyện chỉ đạo công tác ứng phó, tuần tra, trực canh gác các hồ đập 24/24 điều tiết đảm bảo an toàn công trình cũng như góp phần cắt lũ đảm bảo giảm thiểu ngập lụt, thiệt hại ở khu vực hạ lưu; kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế-xã hội và an ninh, quốc phòng; đối phó với lũ, lụt theo phương châm “4 tại chỗ” để xử lý sớm các sự cố cấp bách.

+ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải điều động lực lượng, tập kết trang thiết bị cứu hộ cứu nạn đến khu vực dự kiến ảnh hưởng nặng để ứng phó kịp thời, thực hiện các biện pháp, hướng dẫn, phân luồng đảm bảo an toàn các hoạt động giao thông triển khai lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang và các địa bàn xung yếu.

+ Sở Công Thương phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và chính quyền địa phương vận chuyển hàng nhu yếu phẩm từ khu vực dự trữ đến với nhân dân vùng bị chia cắt do ngập lụt.

+ Sở Y tế chuẩn bị hóa chất, thuốc chữa bệnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng lũ, lụt. Cứu chữa người bị thương, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng.

+ Đài Khí tượng Thủy văn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp thông báo các bản tin dự báo, cảnh báo lũ trên các sông và nội dung công tác chỉ đạo chống lũ, lụt của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

+ Tập trung tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp.

+ Khuyến cáo nhân dân khẩn trương thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trong vùng dự báo ảnh hưởng lũ, ngập lụt.

- Mức độ rủi ro cấp độ 3:

Mưa lớn trong 24 giờ từ 200÷500 mm kéo dài từ 2÷4 ngày hoặc mưa lớn trong 24 giờ từ 500÷700 mm kéo dài từ 1÷2 ngày. Lũ trên các sông suối phổ biến đạt trên báo động III gây lũ lớn và ngập lụt hầu hết các lưu vực sông trong tỉnh. Các tuyến Quốc lộ 26, 27 đều bị ngập (do nước sông Krông Na, sông Krông Pắc dâng cao) tại một số vị trí như đoạn qua thôn Giang Sơn, xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin; đoạn qua Buôn Biăp, xã Đăk Nuê, huyện Lắk; đoạn qua xã Krông Búk, xã Ea Phê huyện Krông Pắc; sạt lở một số vị trí đoạn đèo huyện Lắk (Quốc lộ 27); Tỉnh lộ 1 bị ngập ở khu vực gần thị trấn Ea Súp; địa bàn các huyện: Lắk, Krông Ana, Krông Bông, Buôn Đôn, Cư Kuin, Ea Súp nhiều tuyến đường và nhiều khu dân cư bị ngập sâu, địa bàn các thôn, xã bị chia cắt. Nhiệm vụ và phương án ứng phó của các cấp như sau:

+ Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tham mưu UBND tỉnh huy động lực lượng vũ trang trên địa bàn sẵn sàng làm nhiệm vụ ứng phó (sơ tán dân, cứu hộ những vùng bị ngập, bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông ...), chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải phối hợp với địa phương vùng ngập tăng cường ca nô, dầm cầu, máy xúc, máy ủi tại các địa phương xử lý sự cố ngập và sạt lở đảm bảo giao thông thông suốt; các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đến địa bàn được phân công phụ trách thực hiện nhiệm vụ để phối hợp UBND các huyện chỉ đạo công tác ứng phó, tuần tra, trực canh gác các hồ đập 24/24 điều tiết đảm bảo an toàn công trình cũng như góp phần cắt lũ đảm bảo giảm thiểu ngập lụt, thiệt hại ở khu vực hạ lưu; kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế-xã hội và an ninh, quốc phòng; đối phó với lũ, lụt theo phương châm "4 tại chỗ" để xử lý sớm các sự cố cấp bách.

+ Điều động lực lượng, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn từ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải tập kết đến khu vực dự kiến bị ảnh hưởng nặng để ứng phó kịp thời thực hiện tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; tập trung triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn

thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp; triển khai các biện pháp, hướng dẫn, phân luồng đảm bảo an toàn các hoạt động giao thông triển khai lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang và các địa bàn xung yếu.

+ Sở Công Thương phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và chính quyền địa phương vận chuyển hàng nhu yếu phẩm từ khu vực dự trữ đến với nhân dân vùng bị chia cắt do ngập lụt và các địa điểm tập kết người sơ tán tránh lũ, lụt.

+ Sở Y tế chuẩn bị hóa chất, thuốc chữa bệnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng lũ, lụt. Cứu chữa người bị thương, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng.

+ Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp thông báo các bản tin dự báo, cảnh báo lũ trên các sông và nội dung công tác chỉ đạo chống lũ, lụt của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

+ Khuyến cáo nhân dân khẩn trương thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trong vùng dự báo ảnh hưởng lũ, ngập lụt.

e) Phương án ứng phó đối với lũ quét và sạt lở đất

- Lũ quét thường xảy ra khi có mưa lớn với các vùng địa hình sườn dốc có thảm phủ nghèo hoặc khi có sự cố vỡ đập. Với hiện tượng lũ quét và sạt lở đất thì chủ yếu công tác phòng ngừa kịp thời mới đem lại hiệu quả cao. Ở tỉnh Đắk Lắk lũ quét và sạt lở đất thường xảy ra ở các huyện: Krông Năng, Cư M'gar, M'Drăk, Lắk, Krông Bông, Ea H'Leo, Krông Búk, Buôn Đôn. Nhiệm vụ và phương án ứng phó của các cấp như sau:

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tuyên truyền, phổ biến qua các bản tin dự báo, cảnh cáo kịp thời để chủ động phòng, tránh.

- Khẩn trương tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ quét và sạt lở đất, chỉ đạo địa phương vùng ảnh hưởng tăng cường phương châm 4 tại chỗ, tập trung huy động mọi nguồn lực để ứng cứu và khắc phục hậu quả, thực hiện vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội vùng xảy ra lũ quét và sạt lở đất.

3. Huy động nguồn lực cho công tác ứng phó thiên tai

- Chủ tịch UBND các cấp quyết định huy động nguồn lực trên địa bàn để ứng phó thiên tai. Nguồn lực ứng phó thuộc các tổ chức, cơ quan, đơn vị các cấp trực tiếp quản lý bao gồm: nhân lực; vật tư, vật liệu, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ; nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất; hệ thống liên lạc; nước sạch, thuốc khử trùng nước; lương thực thực phẩm và nguồn kinh phí dự phòng.

- Trường hợp thiên tai xảy ra nghiêm trọng, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT và Ủy ban Quốc gia UPSCTT&TKCN huy động nguồn lực của Trung ương đóng trên địa bàn hoặc ở nơi khác để hỗ trợ ứng phó.

4. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai

a) Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu; khắc phục thiệt hại bước đầu

- Sau bão lũ, UBND các địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, người bị thương do thiên tai; phân phát gạo cứu trợ, nhu yếu phẩm, hàng hóa cho nhân dân bị thiệt hại, không để người dân bị đói,

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh*) hướng dẫn khắc phục sa bồi thủy phá, tu sửa kênh mương, hàn khâu đê điều, khôi phục trạm bơm để phục vụ sản xuất; khử trùng chuồng trại không để phát sinh dịch bệnh trong gia súc, gia cầm.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh phối hợp UBND các địa phương, tìm kiếm người bị nạn, sơ cấp cứu và đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng lực lượng xung kích, dân quân tự vệ địa phương giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, làm nhà ở tạm, ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh trật tự.

- Sở Y tế triển khai sơ cấp cứu, chữa bệnh cho nhân dân bị nạn; cung cấp thuốc chữa bệnh, thuốc tiêu độc, khử trùng làm sạch nguồn nước, vệ sinh môi trường không để dịch bệnh bùng phát.

- Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn khắc phục đoạn đường bị sạt lở, các cầu, cống bị hư hỏng, bảo đảm giao thông thông suốt. Đối với đoạn đường sạt lở nguy hiểm, cấm biển cảnh báo để người dân chủ động phòng tránh.

- Công ty CP Điện lực tổ chức khắc phục sự cố đường dây tải điện, trạm biến thế; vận hành an toàn hệ thống điện phục vụ đời sống và sản xuất nhân dân.

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp chính quyền địa phương rà soát hộ gia đình có nhà sập, hư hỏng nặng để hỗ trợ xây cất lại; rà soát hộ thiếu đói để cấp phát lương thực cứu trợ.

- Sở Công Thương huy động các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xuất các mặt hàng thiết yếu: Mì tôm, bánh phở, dầu ăn, nước uống đóng chai... cấp phát cho nhân dân, không để dân bị đói, bị rét.

- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn dự phòng ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác đề xuất nguồn chi hỗ trợ hộ gia đình có người chết, bị thương, nhà ở bị sập, hư hỏng nặng; kinh phí khắc phục công trình, khôi phục nước sạch, bảo đảm giao thông bước 1 sớm ổn định đời sống và phục vụ sản xuất.

- Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh chi cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết cho người dân bị thiệt hại; hỗ trợ tu sửa trường học, nhà sơ tán phòng tránh thiên tai, xử lý vệ sinh môi trường; hỗ trợ tu sửa khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ tỉnh phối hợp với UBND các cấp tổ chức tiếp nhận, cấp phát hàng, tiền cứu trợ cho người dân bị thiệt hại đặc biệt ưu tiên hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người tàn tật, cao tuổi, phụ nữ, trẻ em sớm ổn định cuộc sống.

b) Thống kê, đánh giá thiệt hại, lập nhu cầu hỗ trợ

UBND các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và các lĩnh vực phụ trách, cụ thể:

- UBND cấp huyện, thị xã, thành phố tổ chức đánh giá, xác định thiệt hại ở địa phương về con người, nhà cửa, về giáo dục, y tế, nông lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy sản, thông tin liên lạc, công nghiệp, xây dựng, nước sạch, vệ sinh

môi trường và các công trình khác trên địa bàn và báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tình hình thiệt hại về nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. Thống kê diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng; diện tích cây công nghiệp, rừng bị ngã đổ; diện tích đất canh tác bị xâm thực, nhiễm mặn, xói lở; gia súc, gia cầm bị chết; lúa giống bị hư hỏng. Đánh giá thiệt hại đê kè, kênh mương, hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm; diện tích nuôi trồng thủy hải sản. Lập báo cáo tổng hợp thiệt hại sau thiên tai phạm vi toàn tỉnh và đề xuất Trung ương hỗ trợ khẩn cấp.

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội kiểm tra, thống kê thiệt hại về người, nhà ở của nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng nặng. Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở, đề xuất UBND tỉnh cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, chú ý ưu tiên gia đình chính sách và hộ nghèo.

- Sở Giao thông Vận tải đánh giá thiệt hại các tuyến đường Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ, đường sắt, đường thủy; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

- Sở Xây dựng đánh giá thiệt hại các trụ sở cơ quan, công trình xây dựng theo lĩnh vực quản lý; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

- Các sở, ngành, đơn vị theo lĩnh vực quản lý đánh giá, thống kê thiệt hại, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ.

- Các chủ doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá thiệt hại của doanh nghiệp báo cáo chính quyền địa phương.

- Cục Thống kê đánh giá, thống kê thiệt hại về các lĩnh vực, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

Chậm nhất 5 ngày sau khi kết thúc đợt thiên tai, các sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện phải báo cáo thiệt hại và đề xuất hỗ trợ về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để tổng hợp.

5. Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai

a) Tái thiết khẩn cấp: Tổng hợp đánh giá thiệt hại từ các sở, ngành, địa phương lựa chọn được danh mục khắc phục khẩn cấp sau thiên tai. Trên cơ sở kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai được phân bổ; các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo thứ tự ưu tiên. Các danh mục lựa chọn thường là hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương, cống, tràn; cầu, đường giao thông; công trình cấp nước sạch. Thời gian khắc phục khẩn cấp từ 3 đến 8 tháng trước mùa mưa lũ, bão tiếp theo.

b) Tái thiết trung hạn: Để đáp ứng yêu cầu lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội, các sở, ngành, đơn vị, UBND các cấp lập kế hoạch trung hạn khôi phục, phát triển sản xuất; nâng cấp công trình, cơ sở hạ tầng kết hợp mục tiêu phòng chống thiên tai, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Nội dung chính kế hoạch trung hạn gồm:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bảo đảm an toàn hồ chứa và nguồn nước cho vùng hạ lưu; nâng cấp, tu bổ hệ thống đê điều bảo vệ an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội; kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp trạm bơm nhằm tưới tiêu chủ động và tiết kiệm nước; xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ kết hợp sinh hoạt cộng đồng ở những vùng thường ngập lũ, bão; tái định cư và di dời người dân ra khỏi vùng nguy hiểm của thiên tai; khơi thông dòng chảy bảo đảm thoát lũ cho vùng ngập úng; cải tạo, nâng cấp các khu neo đậu tàu thuyền, đáp ứng yêu cầu trú, tránh bão an toàn; nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân về PCTT, ứng phó với BĐKH.

- Sở Xây dựng quản lý quy hoạch khu dân cư, phát triển đô thị phải bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai. Lập kế hoạch xây dựng nhà ở an toàn, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, bão theo chính sách của Chính phủ; nâng cấp công trình cấp, thoát nước đô thị bảo đảm nhu cầu cấp, thoát nước. Tổ chức thực hiện “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão” của ngành để nhân dân chủ động phòng, tránh bão.

- Sở Giao thông Vận tải lập kế hoạch nâng cấp hệ thống đường tỉnh; kế hoạch xây dựng mới hệ thống cầu, cống trên đường tỉnh bảo đảm kết nối giao thông và tiêu thoát lũ; nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông bảo đảm nhu cầu phát triển giao thông kết hợp phòng chống thiên tai.

- Sở Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch nâng cấp hệ thống, trang thiết bị bu chính, viễn thông bảo đảm thông tin liên lạc. Trang bị, bảo dưỡng mạng thông tin chuyên dùng để phục vụ thông tin chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai. Có kế hoạch phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của lực lượng vũ trang trong tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng kế hoạch quản lý môi trường: Đất đai, nước mặt, nước ngầm. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn về quản lý đất đai, nguồn nước cho cán bộ các huyện, thị xã, thành phố. Có kế hoạch phát triển hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn; sử dụng đất cho công trình phòng chống thiên tai. Thực hiện quản lý về khoảng cách an toàn, phòng chống sạt lở, bảo vệ môi trường trong khai thác cát, đất, đá làm vật liệu xây dựng.

- Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch nâng cấp, kiên cố hóa trường học. Ưu tiên nâng cấp trường học mầm non, tiểu học và phổ thông đối với vùng trũng, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường tập huấn, rèn luyện chống đuối nước cho học sinh các cấp.

- Sở Công Thương chỉ đạo các Công ty Điện lực và các đơn vị vận hành lưới điện trên địa bàn tỉnh cũng như các nhà máy thủy điện có kế hoạch nâng cấp hệ thống điện, thiết bị bảo đảm cung cấp điện an toàn; có kế hoạch bảo trì hạng mục công trình đầu mối, các thiết bị bảo đảm vận hành an toàn công trình. Đồng thời, có văn bản hướng dẫn cho các doanh nghiệp có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, kho tàng bảo đảm an toàn cho người và hàng hóa nhằm giảm bớt chi phí kinh doanh và thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Sở Y tế có kế hoạch bảo trì bệnh viện, trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, trạm y tế bảo đảm khám và điều trị bệnh. Có kế hoạch dự trữ vật tư thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, xử lý môi trường ô nhiễm trong phòng chống thiên tai.

- Đài Khí tượng Thủy văn có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mở rộng mạng lưới khí tượng thủy văn; sử dụng thiết bị, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo chính xác diễn biến thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- UBND các cấp lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn: Đê điều, thủy lợi, giao thông, trạm y tế, trường học kết hợp nơi trú tránh bão, lũ. Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã miền núi, ven sông, ven biển thường xuyên bị thiên tai. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng tâm trên địa bàn.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp cơ sở huấn luyện, kho tàng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp PCTT và TKCN. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn, diễn tập cho cán bộ, chiến sĩ nhằm tăng cường khả năng tự vệ và ứng cứu trong thiên tai.

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp lập kế hoạch trung hạn tái thiết sau thiên tai (giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025) gửi về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để rà soát, điều chỉnh Kế hoạch Phòng chống thiên tai tỉnh giai đoạn 2021- 2025 phù hợp với thực tiễn.

Phần 5

ĐỀ XUẤT NHU CẦU NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

I. ĐỀ XUẤT NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương cho tỉnh; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố.

2. Vốn từ nguồn trái phiếu Chính phủ.

3. Vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

4. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (các khoản vốn của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội).

5. Nguồn dự trữ tài chính.

6. Nguồn kinh phí từ Quỹ phòng chống thiên tai của tỉnh.

7. Nguồn kinh phí của các sở, ngành, đơn vị, địa phương mua sắm vật tư, vật liệu, phương tiện, trang thiết bị theo phương châm “4 tại chỗ”.

8. Nguồn chi thường xuyên cho công tác lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và xây dựng kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội tỉnh, cấp huyện.

9. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh huy động, hỗ trợ gia đình có người chết, bị thương để mai táng, điều trị; nhà sập, nhà bị hư hỏng nặng để xây cất lại; cứu trợ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, hỗ trợ sinh kế nhằm sớm ổn định cuộc sống người dân.

- Vốn đầu tư từ khôi tư nhân và khuyến khích người dân đầu tư nâng cấp nhà ở bảo đảm an toàn với thiên tai: Theo chính sách trong hỗ trợ đầu tư, vay vốn của chương trình, dự án.

II. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp được giao chủ trì tổ chức thực hiện lập dự toán chi tiết và tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

2. Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 đã được trình bày tại khoản 1. *Giải pháp phi công trình trong công tác phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế xã hội* và khoản 2. *Giải pháp công trình trong công tác phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế xã hội*.

3. Giải pháp PCTT được thống kê và ưu tiên phân bổ vốn (phân kỳ đầu tư) thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 được trình bày chi tiết như Phụ lục III kèm theo.

Phần 6

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh xây dựng dự toán kinh phí cho các hoạt động phòng chống thiên tai theo nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao tại Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao dự toán thu, chi năm 2020 cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Đắk Lắk.

2. Dự toán kinh phí vật tư, vật liệu, nguyên liệu, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu theo phương án PCTT và TKCN hàng năm của cơ quan, đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất, phân nguồn vốn theo từng năm kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phê duyệt.

4. Sở Tài chính cân đối nguồn vốn, báo cáo UBND tỉnh xem xét bố trí vốn hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phê duyệt.

II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025. Quá trình thực hiện cần đảm bảo các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong kế hoạch PCTT giai đoạn 2021-2025 được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương để ưu tiên thực hiện.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan thường trực phòng chống thiên tai, chủ trì phối hợp với các sở, ngành thực hiện kế hoạch: Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng năm.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương đóng vai trò là chủ trì hoặc phối hợp thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

4. Báo cáo thực hiện kế hoạch

a) Báo cáo đột xuất: Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện khi triển khai các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch gặp khó khăn về nhân lực, tài chính hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản phải báo cáo đột xuất về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để kịp thời xử lý. Trong báo cáo đột xuất nêu tóm tắt sự việc, những khó khăn trở ngại cần giải quyết.

b) Báo cáo định kỳ: 3 tháng/lần các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết.

Cuối năm các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch PCTT về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Trong báo cáo cuối năm nêu rõ tình hình thiên tai ở địa phương, ảnh hưởng thiên tai đến lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành; công tác triển khai các hoạt động PCTT theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn, bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết.

Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Rà soát, đánh giá, cập nhật kế hoạch

- Để triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả, việc theo dõi, giám sát và đánh giá trong quá trình thực hiện là rất cần thiết. UBND cấp huyện, các sở, ban ngành, đơn vị phân công cán bộ chuyên trách giám sát, đánh giá và báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong kế hoạch được giao định kỳ 3 tháng/lần và cuối năm. Báo cáo gửi về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đăk Lăk để tổng hợp.

- Trên cơ sở báo cáo đánh giá của UBND cấp huyện, các sở, ban, ngành và đơn vị Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát nội dung, tiến độ thực hiện kế hoạch PCTT giai đoạn 2021-2025, tiến hành điều chỉnh, cập nhật kế hoạch hàng năm phù hợp với tình hình thực tiễn, báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm việc thực hiện Kế hoạch PCTT cấp tỉnh. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, bài học kinh nghiệm và kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh nội dung, giải pháp thực hiện. Trong điều kiện thiên tai xảy ra đặc biệt lớn, thiệt hại nặng nề, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức đánh giá thiệt hại, nhu cầu tái thiết sau thiên tai và rà soát, cập nhật kế hoạch PCTT giai đoạn 2021-2025, báo cáo UBND tỉnh xem xét.

6. Tổ chức thực hiện

a) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh

Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch Phòng, chống thiên tai tỉnh Đăk Lăk giai đoạn 2021-2025; có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch hành động của các Sở, ngành, các địa phương. Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo UBND tỉnh; đề xuất sửa đổi, bổ sung kế hoạch khi cần thiết.

b) Các Sở, ngành liên quan

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; phương án ứng phó với các loại hình thiên tai để tham gia ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai, sẵn sàng ứng phó với các tình huống thiên tai có thể xảy ra. Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; đặc biệt là xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống thiên tai.

+ Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai; đặc biệt tại các khu vực xung yếu (ven sông, ven suối, vùng trũng thấp, vùng dân cư đông đúc ...). Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn theo sự phân công của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch hành động của các Sở, ngành, các địa phương. Kiểm tra, đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố, Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi tỉnh tập trung kiểm tra, rà soát các khu vực trọng điểm, vị trí xung yếu, phát hiện và xử lý, khắc phục kịp thời các tồn tại về hồ, đập, đê sông, kè, cống, công trình phụ trợ và hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống bão, lụt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư để thực hiện Kế hoạch; tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân; trong quá trình triển khai các chương trình dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh cần lồng ghép nội dung liên quan đến công tác ứng phó và giảm nhẹ thiên tai.

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội cho kế hoạch; phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư để thực hiện.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan trong việc Quy hoạch, quản lý quy hoạch khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước vùng thượng lưu các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo an toàn, bền vững các công trình thủy lợi. Phối hợp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai đảm bảo nhanh, chính xác, giúp các địa phương, đơn vị triển khai có hiệu quả các phương án phòng, ngừa thiên tai.

- Sở Giao thông - Vận tải: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thực hiện quy hoạch, đầu tư công trình phòng, chống thiên tai và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai kết hợp với phát triển giao thông vận tải, đặc biệt là giao thông nông thôn, phục vụ xây dựng nông thôn mới và cải thiện môi trường nông thôn; hệ thống giao thông tránh,

vượt lũ và cứu hộ, cứu nạn; hệ thống giao thông ứng cứu các công trình trọng điểm phòng, chống thiên tai của tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Xây dựng chương trình truyền thông, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách tái cơ cấu.

- Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện triển khai kế hoạch có hiệu quả.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch, kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng lực cộng đồng phòng ngừa thiên tai. Vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai

- UBND các huyện, thị xã, thành phố

+ Tổ chức xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện, rà soát, điều chỉnh kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm cho phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội và sát thực tế tại địa phương theo đúng quy định tại Mục 3, Điều 15 Luật Phòng, chống thiên tai; đảm bảo kế hoạch có tính khả thi cao.

+ Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai và Kế hoạch này để tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp huyện; đồng thời, hướng dẫn, chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã theo đúng quy định tại Mục 2, Điều 15 Luật phòng, chống thiên tai để tổ chức thực hiện. *me*

Nơi nhận: *me*

- Ủy ban Quốc gia TKCN;
- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPTT Ban Chỉ đạo PCTT Trung ương;
- Tổng cục PCTT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Cty TNHH MTV QLCTTL Đắc Lắc;
- Văn phòng TT BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, KT, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg-25b)

(b/cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê K nơng

Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 1002(Kèm theo Kế hoạch số **4145** /KH-UBND ngày **14/5/2021** của UBND tỉnh)

TT	Nội dung hoạt động	Cấp chủ trì tổ chức thực hiện	Kết quả thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí/Dự án
A	Năm 2015			100	
1	Tập huấn công tác cứu trợ cho vùng bị thiên tai	Hội Chữ thập đỏ	40 học viên	50	Ngân sách tỉnh
2	Tập huấn công tác Phòng chống thiên tai và xây dựng đội thanh niên xung kích, tình nguyện	Tỉnh Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh		50	Ngân sách tỉnh
B	Năm 2016			580	
1	Hội nghị, tập huấn công tác tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó với thiên tai (2 lớp)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	210 học viên	480	Ngân sách tỉnh
2	Tập huấn công tác cứu trợ cho vùng bị thiên tai	Hội Chữ thập đỏ	40 học viên	50	Ngân sách tỉnh
3	Tập huấn công tác cứu trợ cho vùng bị thiên tai	Hội Chữ thập đỏ	40 học viên	50	Quỹ PCTT
C	Năm 2017			1.474,6	
I	Cấp tỉnh			1.430	
1	Hội nghị, tập huấn công tác tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó với thiên tai (2 lớp)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	170 học viên	480	Ngân sách tỉnh
2	Tập huấn về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ Hội cấp cơ sở	Hội Chữ thập đỏ	40 học viên	50	Ngân sách tỉnh
3	Tập huấn công tác Phòng chống thiên tai cho cán bộ đoàn thanh niên tình nguyện ở cơ sở	Tỉnh Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	200 học viên	50	Ngân sách tỉnh
4	Diễn tập, huấn luyện công tác PCTT và TKCN; mua vật chất phục vụ PCTT	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		250	Ngân sách tỉnh
5	Tập huấn, diễn tập cứu nạn, cứu hộ PCTT; hỗ trợ nhiên liệu bảo hành, bảo dưỡng phương tiện	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh		150	Ngân sách tỉnh
6	Chi Hội nghị tập huấn phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật về Phòng chống thiên tai; lập kế hoạch, phương án Phòng, chống thiên tai tại cấp xã (2 lớp)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	160 học viên	450	Quỹ PCTT
II	Cấp huyện			44,6	
7	Tập huấn hướng dẫn, phổ biến Nghị định 02 và Thông tư 43 (2 lớp)	huyện không pác	348 học viên	20	Ngân sách huyện
8	Tuyên truyền phổ biến một số quy định về	huyện	151 học viên	24,6	Ngân sách

TT	Nội dung hoạt động	Cấp chủ trì tổ chức thực hiện	Kết quả thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí/Dự án
	công tác phòng chống thiên tai năm 2017 (4 lớp)	không Bông			huyện
D	Năm 2018			1.410,5	
I	Cấp tỉnh			1.380	
1	Hội nghị, tập huấn công tác tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó với thiên tai (2 lớp)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	130 học viên	450	Ngân sách tỉnh
2	Tập huấn về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ Hội cấp cơ sở	Hội Chữ thập đỏ	40 học viên	50	Ngân sách tỉnh
3	Tập huấn công tác Phòng chống thiên tai cho cán bộ đoàn thanh niên tình nguyện ở cơ sở	Tỉnh Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	200 học viên	50	Ngân sách tỉnh
4	Huấn luyện, diễn tập công tác ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN cho cán bộ chiến sỹ tại các đồn Biên phòng và đơn vị trực thuộc	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		230	Ngân sách tỉnh
5	Bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập kiến thức, kỹ năng và biện pháp ứng phó sự cố thiên tai và TKCN cho lực lượng làm nhiệm vụ ứng phó sự cố thiên tai và TKCN	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh		150	Ngân sách tỉnh
6	Chi Hội nghị tập huấn phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật về Phòng chống thiên tai; lập kế hoạch, phương án Phòng, chống thiên tai tại cấp xã (2 lớp)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	160 học viên	450	Quỹ PCTT
II	Cấp huyện			30,5	
7	Tuyên truyền phổ biến một số quy định về công tác phòng chống thiên tai năm 2018 (4 lớp)	Huyện Krong Bông	273 học viên	30,5	Ngân sách huyện
E	Năm 2019			1.150	
I	Cấp tỉnh			1.150	
1	Hội nghị, tập huấn công tác tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó với thiên tai (2 lớp)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	140 học viên	450	Ngân sách tỉnh
2	Tập huấn về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ Hội cấp cơ sở	Hội Chữ thập đỏ	40 học viên	50	Ngân sách tỉnh
3	Tập huấn công tác Phòng chống thiên tai cho cán bộ đoàn thanh niên tình nguyện ở cơ sở	Tỉnh Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	200 học viên	50	Ngân sách tỉnh
5	Huấn luyện kỹ năng ứng phó sự cố thiên tai và TKCN cho lực lượng làm nhiệm vụ ứng phó sự cố thiên tai và TKCN	Công An tỉnh		150	Ngân sách tỉnh
6	Tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác Phòng chống thiên tai, nâng cao năng lực cho cán bộ cấp cơ sở về triển khai các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng (Kế hoạch GĐ)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	200 học viên	450	Quỹ PCTT

TT	Nội dung hoạt động	Cấp chủ trì tổ chức thực hiện	Kết quả thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí/Dự án
	2020) (2 lớp)				
F	Năm 2020			1.030	
I	Cấp tỉnh			1.030	
1	Hội nghị, tập huấn công tác tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó với thiên tai (2 lớp)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	140 học viên	450	Ngân sách tỉnh
2	Tập huấn về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ Hội cấp cơ sở	Hội Chữ thập đỏ	40 học viên	50	Ngân sách tỉnh
3	Tập huấn công tác Phòng chống thiên tai cho cán bộ đoàn thanh niên tình nguyện ở cơ sở	Tỉnh Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	200 học viên	50	Ngân sách tỉnh

Phụ lục II

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
 (Kèm theo Kế hoạch số **4145** /KH-UBND ngày **14** /5/2021 của UBND tỉnh)

Phụ lục 02-1: Tổng hợp thiệt hại do hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Năm	Diện tích thiệt hại (ha)			Ước tính số tiền thiệt hại (10 ⁶ đ)		
	Cả năm	Đông Xuân	Hè Thu	Cả năm	Đông Xuân	Hè Thu
Tổng cộng	537.538	308.930	228.609	9.755.676	8.435.376	1.320.301
Trung bình	35.836	23.764	19.051	650.378	648.875	110.025
2006	75.681	-	75.681	7.788	-	7.788
2007	12.270	12.270	-	252.780	252.780	-
2008	23.367	-	23.367	207.268	-	207.268
2009	17.466	211	17.256	109.100	44	109.056
2010	22.316	9.880	12.436	209.932	200.072	9.861
2011	13.672	13.372	300	345.839	344.639	1.200
2012	33.920	101	33.819	558.654	110	558.544
2013	37.142	37.142	-	1.142.478	1.142.478	-
2014	23.803	10.144	13.659	335.326	250.602	84.724
2015	93.239	68.213	25.026	2.199.400	2.095.000	104.400
2016	121.825	94.760	27.065	3.432.718	3.195.258	237.460
2017	-	-	-	-	-	-
2018	6.727	6.727	-	142.992	142.992	-
2019	15.280	15.280	-	329.749	329.749	-
2020	40.830	40.830	-	481.652	481.652	-

Nguồn: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục 02-2. Tổng hợp thiệt hại do lũ, sét gây ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

TT	Hạng mục thống kê	Đơn vị	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
	Ước tính thiệt hại	10 ⁶ đồng	2.082	1.841	10.843	1.448	10.543	9.631	3.772	2.157	14.043	2.907	156.515	1.208
I	Thiệt hại về con người													
1	Người chết, mất tích	người		3,0	2,0		3,0	3,0	6,0	1,0	1,0	0,0	4,0	
2	Người bị thương	người	1,0	1,0	4,0		1,0	3,0	7,0	1,0		0,0	5,0	3,0
II	Thiệt hại nhà cửa, tài sản													
1	Số nhà bị sập	cái	6,0	3,0	11,0	7,0	11,0	22,0	13,0	6,0		3,0	34,0	2,0
2	Số nhà bị tốc mái, hư hỏng	cái	68,0	348,0	1.910,0	142,0	980,0	637,0	212,0	238,0	540,0	104,0	1.798,0	68,0
3	Phòng học bị tốc mái, hư hỏng	phòng	16,0	30,0	46,0	8,0	35,0	60,0	8,0	5,0	64,0		17,0	14,0
4	Phòng học bị sập đổ	phòng							9,0			21,0		
5	Công sở bị tốc mái, hư hỏng	phòng		22,0	70,0	2,0	5,0	17,0	1,0				9,0	
6	Tường rào trường học, công sở bị sập	m			273,0					70,0	156,0	80,0	330,0	
7	Bệnh viện, bệnh xá hư hỏng	phòng	1,0								1,0			
III	Thiệt hại về sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi													
1	Diện tích lúa	ha	3,0	14,0	79,0		274,0	50,0			5,0	14,3	2.912,0	
2	Diện tích ngô	ha	16,0									3,5	190,0	
3	DT rau màu	ha									103,0		23,0	
4	Diện tích cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả...	ha	0,0	85,3	24,2	9,0	116,2	697,0	170,0	26,0	41,1	25,7	266,1	
5	Gia súc, gia cầm bị chết	con									150,0	2,0	2,0	
IV	Thiệt hại khác													
1	Trụ điện bị đổ, gãy	trụ			5,0	5,0					7,0		32,0	

Nguồn: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục 02-3. Tổng hợp thiệt hại do mưa lớn, ngập lụt gây ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

TT	Hạng mục thống kê	Đơn vị	Năm													
			2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
	Tổng thiệt hại ước tính	10⁹đ	737,36	108,12	521,44	134,95	28,56	95,72	308,6	171,56	0	1.050,03	1.065,00	132	804,1	190,38
1	Thiệt hại nhà cửa, tài sản	10 ⁹ đ	19,99	0	34,74	0,05	0,12	0,07	6,47	0	0	5,01	60,7	0	4,6	0,589
2	Thiệt hại về nông, lâm nghiệp	10 ⁹ đ	549,61	72,37	419,45	65,24	16,76	95,19	146,5	171,56	0	715,24	771,2	117,3	424,4	108,758
3	Thiệt hại thủy lợi	10 ⁹ đ	54,01	26,84	22,05	31,15	1,07	0	90,33	0	0	127,29	67,4	7,6	218,7	12,234
4	Thiệt hại về giao thông, viễn thông	10 ⁹ đ	75,99	8,91	37,27	16,8	10,61	0,46	29,04	0	0	198,52	132,6	7	144,4	63,756
5	Thiệt hại khác	10 ⁹ đ	37,76	0	7,93	21,71	0	0	36,26	0	0	3,98	33,1	0,1	12,1	5,048

Nguồn: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục III

**PHÂN BỐ VỐN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK GIAI
ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số **4145** /KH-UBND ngày 14 /5/2021 của UBND tỉnh)*

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Giai đoạn 2021-2015	Khái toán kinh phí (triệu đồng)				
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	TỔNG CỘNG				60,150	11,700	11,700	12,700	12,250	11,800
A	BIỆN PHÁP PHI CÔNG TRÌNH				57,900	11,250	11,250	12,250	11,800	11,350
I	Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách				2,500	500	500	500	500	500
1	Quyết định kiện toàn Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN các cấp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND huyện, xã	Hàng năm						
2	Quyết định phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND huyện, xã	Hàng năm						
3	Bảo đảm hoạt động hành chính của Văn phòng TT; Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh	Sở NN & PTNT	Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Hàng năm	2,500	500	500	500	500	500
4	Rà soát chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trong tỉnh	Ban CH PCTT và TKCN tỉnh	Sở NN và PTNT, các cơ quan liên quan	Hàng năm						
II	Tăng cường năng lực quản lý thiên tai				5,500	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100
1	Hỗ trợ rà soát, xây dựng lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	Ban CH PCTT và TKCN tỉnh	Ban chỉ huy quân sự huyện; các tổ chức cấp xã	Hàng năm	2,500	500	500	500	500	500

2	Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng PCTT và TKCN; Văn phòng TT Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh; Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phòng Tài chính; UBND xã	Hàng năm	2,500	500	500	500	500	500
3	Cơ chế phối hợp giữa Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh với các Tổ chức chính trị, xã hội	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Mặt trận TQVN tỉnh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ tỉnh	Hàng năm	500	100	100	100	100	100
4	Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xã		Hàng năm		Tùy theo tình hình thiên tai và nguồn vốn bố trí hàng năm				
III	Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa; cập nhật vận hành hồ chứa; Đánh giá sạt lở; Đánh giá nguy cơ lũ quét và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án ứng phó thiên tai				27,900	5,250	5,250	6,250	5,800	5,350
1	Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du nhiều đập và hồ chứa; vận hành công trình liên hồ chứa	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	UBND các huyện, xã; Công ty TNHH MTV CTTL tỉnh		4,750	950	950	950	950	950

1.2	Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh để xây dựng phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, hỗ trợ cảnh báo thiên tai tại cộng đồng.	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Công ty TNHH MTV CTTL tỉnh và các xã trong khu vực	Hàng năm	2,500	500	500	500	500	500
1.3	Quan trắc, cập nhật thông tin liên quan đến việc vận hành các hồ chứa thủy điện Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Srêpôk 3, Srêpôk 4, Srêpôk 4A tính toán xả lũ hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpôk;	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Công ty thủy điện Buôn Kuốp; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Đại Hải; Công ty Cổ phần thủy điện Buôn Đôn; UBND các huyện Krông Ana, Tp Buôn Ma Thuột, Buôn Đôn; Các huyện Krông Nô, Cư Jút tỉnh Đắk Nông	Hàng năm	2,250	450	450	450	450	450
2	Đánh giá sạt lở; nguy cơ lũ quét, các loại hình thiên tai thường gặp trên địa bàn tỉnh và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án ứng phó thiên tai	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	UBND các huyện, xã trong khu vực	Hàng năm	15,900	2,850	2,850	3,850	3,400	2,950
2.1	Khảo sát, điều tra, đo đạc, phân cấp báo động lũ và lắp đặt thủy chí quan trắc mực nước trên sông, suối trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ dự báo, cảnh báo và báo động lũ theo quy định.	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Hàng năm	2,250	450	450	450	450	450
2.2	Khảo sát, điều tra, đánh giá nguy cơ lũ quét và sạt lở đất vùng trọng điểm, lập bản đồ; hỗ trợ cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; đề xuất phương án di dời dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm.	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Hàng năm	2,850	450	450	450	1,500	

2.3	Điều tra, đánh giá hiện trạng, nghiên cứu đề xuất cảnh báo phòng, chống giông sét, lốc tố cho một số vùng trọng điểm trên địa bàn tỉnh.	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Hằng năm	3,300	450	450	450	450	1,500
2.4	Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ sạt lở bờ sông, bờ suối tại các khu vực trọng điểm có diễn biến bồi xói phức tạp gây nguy hiểm đến khu dân cư và công trình hạ tầng quan trọng, phục vụ cảnh báo thiên tai nguy hiểm tại cộng đồng; nghiên cứu đề xuất phương án chỉnh trị, phòng chống sạt lở.	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Hằng năm	2,500	500	500	500	500	500
2.5	Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng: Năng lực phục vụ tưới, điều kiện an toàn đập đối với các hồ chứa có dung tích từ 500.000÷3.000.000 m ³ nước trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ thông tin, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng.	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Hằng năm	2,500	500	500	1,500		
2.6	Xây dựng bộ kịch bản nền và kế hoạch ứng phó hạn hán theo kịch bản trong mùa khô trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hỗ trợ công tác cảnh báo, ứng phó hạn hán.	Sở NN và PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Hằng năm	2,500	500	500	500	500	500
3	Dự báo nguồn nước và Xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 15 huyện, thị và thành phố: TP Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, các huyện Ea H'leo, Ea Súp, Krông H'năng, Krông Búk, Buôn Đôn, Cư M'Gar, Ea Kar, M'Drăk, Krông Pắc, Krông Bông,	Sở NN và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; Đài KTTV tỉnh; Công ty KTCT Thủy lợi; UBND cấp huyện	Hằng năm	2,500	500	500	500	500	500

	Krông Ana, Lắk, Cư Kuin									
4	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và cập nhật hàng năm	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	Hàng năm	2,250	450	450	450	450	450
5	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện giai đoạn 2021-2025 và cập nhật hàng năm	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế	Các phòng, ban liên quan và UBND cấp xã	Hàng năm		Địa phương chủ động bố trí kinh phí				
6	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp xã giai đoạn 2021-2025 và cập nhật hàng năm	UBND xã	Thành viên Ban chỉ huy cấp xã, trưởng thôn	Hàng năm		Địa phương chủ động bố trí kinh phí				
7	Lập Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	Đài KTTV tỉnh, UBND cấp huyện	Hàng năm	2,500	500	500	500	500	500
IV	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh				17,000	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400
1	Thuê bao 25 trạm đo mưa tự động chuyên dùng phục vụ công tác phòng chống thiên tai, hỗ trợ quyết định chỉ đạo điều hành, cảnh báo, báo động thiên tai cộng đồng.	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN		Hàng năm	2,400	480	480	480	480	480
2	Chi thực hiện tin nhắn (SMS) thông báo, cảnh báo thiên tai cộng đồng, phục vụ điều hành PCTT các cấp (gồm lãnh đạo UBND, VP UBND tỉnh; thành viên BCH cấp tỉnh; lãnh đạo BCH, cán bộ thường trực cấp huyện và cấp xã)	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN		Hàng năm	1,000	200	200	200	200	200
3	Thuê bao cung cấp số liệu đo mực nước tại 06 trạm vùng đầu nguồn sông, suối chính trên địa bàn tỉnh	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN		Hàng năm	2,350	470	470	470	470	470
4	Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn trong tỉnh	Sở NN và PTNT	UBND cấp huyện	Hàng năm	1,250	250	250	250	250	250

5	Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng BĐKH	Sở NN và PTNT	Sở NN và PTNT; các cơ quan và UBND cấp huyện.	Hàng năm	10,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
V	Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cho cộng đồng				5,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
1	Tổ chức Hội nghị tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.	Ban Chi huy PCTT và TKCN	Sở NN và PTNT; UBND cấp huyện	Hàng năm	2,250	450	450	450	450	450
2	Tổ chức Hội nghị tập huấn thông tin, tuyên truyền, giáo dục về pháp luật; phổ biến kỹ năng phòng, chống thiên tai để nâng cao nhận thức cộng đồng trong phòng chống thiên tai.	Ban Chi huy PCTT và TKCN	Sở NN và PTNT; UBND cấp huyện	Hàng năm	2,250	450	450	450	450	450
3	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện	Hàng năm	500	100	100	100	100	100
VI	Chương trình trồng và bảo vệ rừng									
	Trồng, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn	Ban QLR PH, UBND huyện	Sở NN và PTNT và các cơ quan liên quan	Hàng năm		Tùy theo khả năng cân đối nguồn vốn và sẽ được cập nhập, bổ sung hàng năm				
VII	Ứng dụng Khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp									
	Chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, ứng dụng KHCN trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với thiên tai tại địa phương	Sở NN PTNT	UBND cấp huyện	Hàng năm		Tùy theo khả năng cân đối nguồn vốn và sẽ được cập nhập, bổ sung hàng năm				
B	BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH				2,250	450	450	450	450	450

1	Thuê bao mới hệ thống đo mưa tự động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở NN và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; Đài KTTV tỉnh; Công ty KTCT Thủy lợi; UBND cấp huyện	2021-2025	2,250	450	450	450	450	450
2	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở NN PTNT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2021-2025		Tùy theo khả năng cân đối nguồn vốn và sẽ được cập nhập, bổ sung hàng năm				
3	Xây dựng mới các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở NN PTNT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2021-2025		Tùy theo khả năng cân đối nguồn vốn và sẽ được cập nhập, bổ sung hàng năm				